

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

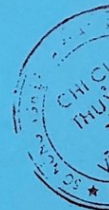
Vĩnh Phúc, ngày 12 tháng 12 năm 2022

**HỢP ĐỒNG**

**SỐ: 109 /2022/HĐTV**

**Gói thầu: Điều tra, khảo sát tổng thể đánh giá nguy cơ và đề xuất các giải pháp xử lý nguy cơ trượt lở đất, đá khu vực núi Phòng Không thuộc khu danh thắng Tây Thiên, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc.**

**Đề án: Điều tra, khảo sát tổng thể đánh giá nguy cơ và đề xuất các giải pháp xử lý nguy cơ trượt lở đất, đá khu vực núi Phòng Không thuộc khu danh thắng Tây Thiên, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc.**



**Giữa**

**CHI CỤC THỦY LỢI TỈNH VĨNH PHÚC**

**và**

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN,  
TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MÔ - ĐỊA CHẤT**

## PHẦN 1 - CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 28/9/2013;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 về Quy định chi tiết về hợp đồng trong hoạt động xây dựng; số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/04/2021 về sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/04/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng; Nghị định 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 08/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng tư vấn;

Căn cứ Quyết định số 277/QĐ-CCTL ngày 14/12/2022 của Chi cục Thủy lợi về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu tư vấn thực hiện Gói thầu: Điều tra, khảo sát tổng thể đánh giá nguy cơ và đề xuất các giải pháp xử lý nguy cơ trượt lở đất, đá khu vực núi Phòng Không thuộc khu danh thắng Tây Thiên, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc;

Căn cứ Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng ngày 14 tháng 12 năm 2022 giữa Chi cục Thủy lợi tỉnh Vĩnh Phúc và Công ty TNHH Tư vấn, triển khai công nghệ và xây dựng Mỏ - Địa chất.

## PHẦN 2 - CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

*Hôm nay, ngày 14 tháng 12 năm 2022 tại Chi cục Thủy lợi tỉnh Vĩnh Phúc, chúng tôi gồm các bên dưới đây:*

### **1. Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A):**

- Tên đơn vị: **Chi cục Thủy lợi tỉnh Vĩnh Phúc**
- Đại diện: **Ông Đường Xuân Thế**
- Chức vụ: Phó Chi cục trưởng phụ trách Chi cục
- Địa chỉ: số 98, đường Nguyễn Viết Xuân, phường Đồng Đa, TP. Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.
- Tài khoản: 952721019780 tại Kho bạc nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc.
- Thành lập theo Quyết định số 34/2015/QĐ-UBND ngày 19/11/2015 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc tổ chức lại và quy định vị trí, chức năng, cơ cấu tổ chức của Chi cục Thủy lợi tỉnh Vĩnh Phúc.

## 2. Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B):

**Công ty TNHH Tư vấn, triển khai công nghệ và xây dựng Mỏ - Địa chất (CODECO)**

Đại diện: **Ông Trần Đình Kiên**

Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: số 36, ngõ 30, phố Tạ Quang Bửu, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.  
Văn phòng giao dịch tại tầng 1, nhà A, Trường Đại học Mỏ - Địa chất, 18 phố Viên, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

- Điện thoại (Fax): 024.3755 0428

Fax: 0243 755 0428

- Email: [codeco.mdc@gmail.com](mailto:codeco.mdc@gmail.com)

Website: codeco.vn

Số tài khoản: 111000037499, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long, Hà Nội.

- Mã số thuế doanh nghiệp: **0101074336**, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 113123 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 14/10/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 19/05/2020.

Các bên thống nhất thỏa thuận như sau:

### **Điều 1. Các định nghĩa và diễn giải**

Các từ và cụm từ trong Hợp đồng này được hiểu theo các định nghĩa và diễn giải sau đây:

1. Chủ đầu tư là **Chi Cục Thủy Lợi tỉnh Vĩnh Phúc (Bên A)**.
2. Nhà thầu **Công ty TNHH Tư vấn, triển khai công nghệ và xây dựng Mỏ - Địa chất (Bên B)**.
3. Đề án là Điều tra, khảo sát tổng thể đánh giá nguy cơ và đề xuất các giải pháp xử lý nguy cơ trượt lở đất, đá khu vực núi Phòng Không thuộc khu danh thắng Tây Thiên, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc.
4. Gói thầu là Điều tra, khảo sát tổng thể đánh giá nguy cơ và đề xuất các giải pháp xử lý nguy cơ trượt lở đất, đá khu vực núi Phòng Không thuộc khu danh thắng Tây Thiên, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc.
5. Đại diện Bên A là người được Bên A nêu ra trong Hợp đồng hoặc được ủy quyền và thay mặt cho Bên A điều hành công việc.
6. Đại diện Bên B là người được Bên B nêu ra trong Hợp đồng hoặc được Bên B chỉ định và thay mặt Bên B điều hành công việc.
7. Nhà thầu phụ là tổ chức hay cá nhân ký hợp đồng với nhà thầu để trực tiếp thực hiện công việc.
8. Hợp đồng là toàn bộ Hồ sơ Hợp đồng tư vấn theo quy định tại Điều 2 [Hồ sơ Hợp đồng tư vấn xây dựng và thứ tự ưu tiên].
9. Hồ sơ mời thầu của chủ đầu tư là toàn bộ tài liệu theo quy định trong hồ sơ mời thầu của bên mời thầu.

10. Hồ sơ dự thầu của nhà thầu là toàn bộ tài liệu theo quy định trong hồ sơ dự thầu của nhà thầu.

11. Đơn dự thầu là đề xuất của nhà thầu có ghi giá dự thầu để thực hiện công việc theo đúng các yêu cầu của hồ sơ mời thầu.

12. Bên là chủ đầu tư hoặc nhà thầu tùy theo hoàn cảnh cụ thể.

13. Ngày được hiểu là ngày dương lịch và tháng được hiểu là tháng dương lịch.

14. Ngày làm việc là ngày dương lịch, trừ ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định của pháp luật.

15. Bất khả kháng được định nghĩa tại Điều 17 [Rủi ro và bất khả kháng]

16. Luật là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

### **Điều 2. Hồ sơ Hợp đồng tư vấn xây dựng và thứ tự ưu tiên**

1. Hồ sơ Hợp đồng bao gồm hợp đồng tư vấn và các tài liệu tại Khoản 2 dưới đây.

2. Các tài liệu kèm theo Hợp đồng là bộ phận không tách rời của Hợp đồng tư vấn xây dựng. Các tài liệu kèm theo Hợp đồng và thứ tự ưu tiên để xử lý mâu thuẫn giữa các tài liệu bao gồm:

- Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.
- Điều kiện cụ thể của hợp đồng hoặc Điều Khoản tham chiếu đối với hợp đồng tư vấn xây dựng;
- Điều kiện chung của hợp đồng;
- Hồ sơ mời thầu;
- Hồ sơ dự thầu;
- Văn bản thương thảo hợp đồng.
- Các Phụ lục của hợp đồng.
- Các tài liệu khác có liên quan

3. Thứ tự ưu tiên áp dụng các tài liệu kèm theo hợp đồng xây dựng áp dụng theo thứ tự quy định tại Khoản 2 Điều này.

### **Điều 3. Trao đổi thông tin**

1. Các thông báo, chấp thuận, chứng chỉ, quyết định,... đưa ra phải bằng văn bản và được chuyển đến bên nhận bằng đường bưu điện, bằng fax, hoặc email theo địa chỉ các bên đã quy định trong Hợp đồng.

2. Trường hợp bên nào thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo cho bên kia để đảm bảo việc trao đổi thông tin. Nếu bên thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên kia thì phải chịu mọi hậu quả do việc thay đổi địa chỉ mà không thông báo.

#### **Điều 4. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong Hợp đồng**

1. Hợp đồng này chịu sự Điều chỉnh của hệ thống pháp luật của Việt Nam.
2. Ngôn ngữ của Hợp đồng này được thể hiện bằng tiếng Việt.

#### **Điều 5. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng tư vấn**

1. Chủ đầu tư giao cho Nhà thầu Tư vấn đồng ý thực hiện công việc trong gói thầu: Điều tra, khảo sát tổng thể đánh giá nguy cơ và đề xuất các giải pháp xử lý nguy cơ trượt lở đất, đá khu vực núi Phòng Không thuộc khu danh thắng Tây Thiên, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc đúng Đề cương được duyệt tại số 1558/QĐ-UBND ngày 16/6/2021 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc và các công việc được thể hiện cụ thể trong hồ sơ mời thầu của chủ đầu tư, biên bản thương thảo hợp đồng giữa các bên.

2. Nhà thầu cung cấp sản phẩm của hợp đồng tư vấn bao gồm: 08 bộ hồ sơ + Đĩa CD hoặc USB lưu toàn bộ các file mềm, gồm các thành phần hồ sơ sau:

Nhà thầu cung cấp sản phẩm của hợp đồng tư vấn bao gồm: 08 bộ hồ sơ + Đĩa CD hoặc USB lưu toàn bộ các file mềm, gồm các thành phần hồ sơ sau:

+ Báo cáo tổng hợp:

- Làm rõ nguyên nhân, xác định quy mô, mức độ nguy hiểm, nguy cơ trượt lở đất, đá khu vực núi Phòng Không thuộc khu danh thắng Tây Thiên, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Dựa trên các tính toán cụ thể, đưa ra các kịch bản có thể xảy ra khi hiện tượng trượt lở đất, đá phát triển và mức độ nguy hiểm.

- Đề xuất các giải pháp xử lý, khắc phục nhằm giảm thiểu thiệt hại đối với các công trình văn hóa, xã hội, phục vụ phát triển du lịch ổn định bền vững.

+ Các bản vẽ và kết quả thực hiện theo khối lượng:

- Sơ đồ vị trí các công trình thăm dò.
- Bản đồ địa hình 1 : 1000
- Mặt cắt địa chất công trình
- Hình trụ hố khoan.
- Các bản vẽ địa chất - địa chất công trình liên quan khác.
- Kết quả thí nghiệm hiện trường.
- Kết quả thí nghiệm trong phòng.
- Kết quả đo địa vật lý và các kết quả tính toán khác.

3. Nhà thầu cam kết thực hiện khối lượng công việc theo đúng hồ sơ mời thầu và đề xuất kỹ thuật của nhà thầu đồng thời cung cấp các chuyên gia để thực hiện Hợp đồng theo đúng phụ lục 01 Nhân sự của nhà thầu.

### **Điều 6. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn**

1. Chất lượng sản phẩm tư vấn phải phù hợp với nội dung hợp đồng tư vấn đã ký kết giữa các bên; đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư xây dựng và quản lý chất lượng công trình xây dựng, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng tư vấn xây dựng. Những sai sót trong sản phẩm của hợp đồng tư vấn phải được bên nhận thầu hoàn chỉnh theo đúng các Điều Khoản thỏa thuận trong hợp đồng tư vấn.

2. Số lượng hồ sơ sản phẩm tư vấn của Hợp đồng là 08 bộ

### **Điều 7. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng**

1. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm của hợp đồng tư vấn xây dựng:

a. Hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết giữa các bên.  
b. Báo cáo kết quả thực hiện công việc hợp đồng của bên B (tính bằng % khối lượng công việc hoàn thành) và hồ sơ, tài liệu chứng minh được bên A chấp nhận.

c. Quy định của pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng cho hợp đồng tư vấn.

2. Nghiệm thu sản phẩm được tiến hành 02 lần tương ứng với việc thanh toán được quy định tại Điều 9 [Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán] và Điều 8 [Thời gian và Tiến độ thực hiện Hợp đồng] của hợp đồng này.

### **Điều 8. Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng**

1. Thời gian thực hiện Hợp đồng: Tổng thời gian thực hiện gói thầu là 60 ngày kể từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực, bao gồm cả ngày lễ, tết và ngày nghỉ.

2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, trường hợp nhà thầu hoặc chủ đầu tư gặp khó khăn dẫn đến chậm trễ thời gian thực hiện Hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết, đồng thời nêu rõ lý do cùng thời gian dự tính kéo dài. Sau khi nhận được thông báo kéo dài thời gian của một bên, bên kia sẽ nghiên cứu xem xét. Trường hợp chấp thuận gia hạn hợp đồng, các bên sẽ thương thảo và ký kết Phụ lục bổ sung Hợp đồng.

3. Việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng không được phép làm tăng giá hợp đồng nếu việc chậm trễ do lỗi của nhà thầu.

### **Điều 9. Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán**

1. Giá hợp đồng

a, Giá hợp đồng là: **Làm tròn là: 1.904.685.000 đồng** (Bằng chữ: Một tỷ chín trăm linh bốn triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

b) Điều chỉnh giá hợp đồng thực hiện theo Điều 10 [Điều chỉnh hợp đồng].

2. Nội dung của giá Hợp đồng

Bao gồm các hạng mục công việc và chi phí theo **phụ lục số 02**

3. Tạm ứng: Không

#### 4. Tiến độ thanh toán

- Chủ đầu tư sẽ thanh toán tiền thực hiện Hợp đồng cho nhà thầu trên cơ sở khối lượng công việc thực tế hoàn thành được nghiệm thu thành 02 đợt. Cụ thể:

+ Đợt 1. Thanh toán đến 60% giá trị của Hợp đồng sau khi nhà thầu hoàn thành các công việc khảo sát địa hình, địa chất thực hiện gói thầu: Điều tra, khảo sát tổng thể đánh giá nguy cơ và đề xuất các giải pháp xử lý nguy cơ trượt lở đất, đá khu vực núi Phòng Không thuộc khu danh thắng Tây Thiên, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc (theo tiến độ vốn được cấp);

+ Đợt 2. Thanh toán 40% giá trị của Hợp đồng sau khi nhà thầu hoàn thành xong các công việc của gói thầu và bàn giao xong tài liệu (theo điều I, khoản 2).

- Thời điểm thanh toán: Sau khi chủ đầu tư nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán của nhà thầu.

- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

- Đồng tiền thanh toán: Tiền Việt Nam

#### 5. Hồ sơ thanh toán gồm:

- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành theo quy định hiện hành.

- Đề nghị thanh toán của nhà thầu bao gồm: Giá trị hoàn thành theo Hợp đồng, giá trị đề nghị thanh toán.

### **Điều 10. Điều chỉnh hợp đồng**

#### 1. Điều chỉnh khối lượng công việc

- Trường hợp Chủ đầu tư có yêu cầu thay đổi phạm vi công việc (tăng, giảm) trong Hợp đồng thì đối với khối lượng công việc này các bên thỏa thuận Điều chỉnh tương ứng.

- Đối với khối lượng phát sinh ngoài phạm vi hợp đồng tư vấn đã ký kết mà chưa có đơn giá trong hợp đồng thì được xác định trên cơ sở thỏa thuận hợp đồng và theo quy định pháp luật, lập và bổ sung dự toán khối lượng phát sinh. Các bên phải ký kết phụ lục hợp đồng làm cơ sở cho việc thanh toán, quyết toán hợp đồng.

#### 2. Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng

a) Trường hợp thời hạn hoàn thành công việc tư vấn chậm so với tiến độ công việc của Hợp đồng do lỗi của nhà thầu thì nhà thầu phải có giải pháp khắc phục để bảo đảm tiến độ hợp đồng. Nếu tiến độ thực hiện hợp đồng bị kéo dài so với tiến độ hợp đồng đã ký thì nhà thầu phải kiến nghị chủ đầu tư gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng. Trường hợp phát sinh chi phí thì nhà thầu phải khắc phục bằng chi phí của mình. Nếu gây thiệt hại cho chủ đầu tư thì nhà thầu phải bồi thường.

b) Trường hợp thời hạn hoàn thành hợp đồng tư vấn chậm so với tiến độ của Hợp đồng do lỗi của chủ đầu tư hoặc do nguyên nhân bất khả kháng thì chủ đầu tư và tư vấn thống nhất gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng.

3. Điều chỉnh giá hợp đồng: Thực hiện theo Thông tư hướng dẫn về Điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng của Bộ Xây dựng.

4. Điều chỉnh các nội dung khác của Hợp đồng này thì các bên thống nhất Điều chỉnh trên cơ sở các thỏa thuận trong Hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan.

### **Điều 11. Bảo đảm thực hiện hợp đồng và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng:**

Không áp dụng

### **Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu tư vấn**

1. Quyền của nhà thầu tư vấn:

- Yêu cầu chủ đầu tư cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến dịch vụ tư vấn.
- Được đề xuất thay đổi Điều kiện cung cấp dịch vụ tư vấn vì lợi ích của chủ đầu tư hoặc khi phát hiện các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm tư vấn.
- Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài phạm vi hợp đồng và những yêu cầu trái pháp luật của Chủ đầu tư.
- Được quyền yêu cầu Chủ đầu tư thanh toán đúng hạn.

2. Nghĩa vụ của Nhà thầu tư vấn:

- Hoàn thành công việc đúng tiến độ, chất lượng theo thỏa thuận trong hợp đồng.
- Nộp cho Chủ đầu tư với số lượng hồ sơ thời gian đúng quy định Hợp đồng.
- Giữ bí mật thông tin liên quan đến dịch vụ tư vấn mà hợp đồng và pháp luật có quy định.
- Thực hiện công việc đúng pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng và đảm bảo rằng tư vấn phụ (nếu có), nhân lực của tư vấn và tư vấn phụ sẽ luôn tuân thủ luật pháp.
- Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc tư vấn trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do Chủ đầu tư tổ chức.
- Sản phẩm tư vấn phải được thực hiện bởi các chuyên gia có đủ Điều kiện năng lực hành nghề theo quy định của pháp luật. Nhà thầu tư vấn phải sắp xếp, bố trí nhân lực của mình hoặc của Nhà thầu phụ có kinh nghiệm và năng lực cần thiết như danh sách đã được chủ đầu tư phê duyệt để thực hiện công việc tư vấn.
- Cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định,... với số lượng theo đúng thỏa thuận của hợp đồng tư vấn đã ký kết.
- Tuân thủ các yêu cầu và hướng dẫn của chủ đầu tư, trừ những hướng dẫn hoặc yêu cầu trái với luật pháp hoặc không thể thực hiện được.

### **Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư**

1. Quyền của chủ đầu tư:

- a) Được quyền sở hữu và sử dụng sản phẩm tư vấn xây dựng theo hợp đồng.



b) Từ chối nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng không đạt chất lượng theo hợp đồng.

c) Kiểm tra chất lượng công việc của nhà thầu tư vấn nhưng không làm cản trở hoạt động bình thường của nhà thầu tư vấn.

d) Yêu cầu sửa đổi, bổ sung sản phẩm tư vấn không đảm bảo chất lượng theo thỏa thuận hợp đồng

đ) Yêu cầu bên nhận thầu thay đổi cá nhân tư vấn không đáp ứng được yêu cầu năng lực theo quy định.

## 2. Nghĩa vụ của chủ đầu tư:

a) Cung cấp cho nhà thầu tư vấn thông tin về yêu cầu công việc, tài liệu, bảo đảm thanh toán và các phương tiện cần thiết để thực hiện công việc theo thỏa thuận trong hợp đồng (nếu có).

b) Bảo đảm quyền tác giả đối với sản phẩm tư vấn có quyền tác giả theo hợp đồng.

c) Giải quyết kiến nghị của nhà thầu tư vấn theo thẩm quyền trong quá trình thực hiện hợp đồng đúng thời hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

d) Thanh toán đầy đủ cho nhà thầu tư vấn theo đúng tiến độ thanh toán đã thỏa thuận trong hợp đồng.

đ) Hướng dẫn nhà thầu tư vấn về những nội dung liên quan đến dự án và hồ sơ mời thầu (hoặc hồ sơ yêu cầu); tạo Điều kiện để bên nhận thầu được tiếp cận với công trình, thực địa.

e) Cử người có năng lực phù hợp để làm việc với nhà thầu tư vấn.

g) Tạo Điều kiện cho bên nhận thầu thực hiện công việc tư vấn xây dựng, thủ tục hải quan (nếu có).

h) Chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các tài liệu do mình cung cấp. Bồi thường thiệt hại cho nhà thầu tư vấn nếu bên giao thầu cung cấp thông tin không chính xác, không đầy đủ theo quy định của hợp đồng.

## **Điều 14. Nhân lực của nhà thầu**

1. Nhân lực của Nhà thầu phải đủ điều kiện năng lực, nhân sự chủ chốt có chứng chỉ hành nghề theo quy định, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp về nghề nghiệp, công việc của họ và phù hợp với quy định về điều kiện năng lực trong pháp luật xây dựng được quy định cụ thể trong hồ sơ mời thầu.

2. Chức danh, công việc thực hiện, trình độ và thời gian dự kiến tham gia thực hiện được quy định trong hồ sơ đề xuất và Biên bản thương thảo hợp đồng. Trường hợp thay đổi nhân sự, Nhà thầu phải trình bày lý do, đồng thời cung cấp lý lịch của người thay thế cho Chủ đầu tư, người thay thế phải có trình độ tương đương hoặc cao hơn người bị thay thế. Nếu Chủ đầu tư không có ý kiến về nhân sự thay thế trong vòng 5 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Nhà thầu thì nhân sự đó coi như được Chủ đầu tư chấp thuận.

3. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu Nhà thầu thay thế nhân sự nếu người đó không đáp ứng được yêu cầu của Chủ đầu tư hoặc không đúng với hồ sơ nhân sự trong hợp đồng. Trong trường hợp này, Nhà thầu phải gửi văn bản thông báo cho chủ đầu tư trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư về việc thay đổi nhân sự. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do Nhà thầu chịu. Mức thù lao cho nhân sự thay thế không vượt mức thù lao cho người bị thay thế.

4. Nhà thầu có thể điều chỉnh thời gian làm việc của nhân sự nếu cần thiết nhưng không làm tăng giá hợp đồng. Những điều chỉnh khác chỉ được thực hiện khi được Chủ đầu tư chấp thuận.

5. Nhà thầu tổ chức thực hiện công việc theo tiến độ đã thỏa thuận. Giờ làm việc, làm việc ngoài giờ, thời gian làm việc, ngày nghỉ... thực hiện theo Bộ Luật Lao động.

#### **Điều 15. Bản quyền và quyền sử dụng tài liệu**

Nhà thầu sẽ giữ bản quyền công việc tư vấn do mình thực hiện. Chủ đầu tư được toàn quyền sử dụng các tài liệu này để phục vụ công việc quy định trong Hợp đồng mà không cần phải xin phép nhà thầu.

Nhà thầu phải cam kết rằng sản phẩm tư vấn do nhà thầu thực hiện và cung cấp cho chủ đầu tư không vi phạm bản quyền hoặc quyền sở hữu trí tuệ của bất cứ cá nhân hoặc bên thứ ba nào.

Chủ đầu tư sẽ không, chịu trách nhiệm hoặc hậu quả nào từ việc khiếu nại sản phẩm tư vấn theo Hợp đồng này đã vi phạm bản quyền hay quyền sở hữu trí tuệ của một cá nhân hay bên thứ ba nào khác.

#### **Điều 16. Bảo hiểm**

Nhà thầu phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo quy định.

#### **Điều 17. Rủi ro và bất khả kháng**

1. Rủi ro là nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện Hợp đồng. các bên phải đánh giá các nguy cơ rủi ro, lập kế hoạch quản lý rủi ro, các phương án quản lý rủi ro của mình.

2. Bất khả kháng là sự kiện rủi ro không thể chống đỡ nổi khi nó xảy ra như: động đất, bão, lũ lụt, lốc, sóng thần, thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh.

3. Trách nhiệm của các bên đối với bất khả kháng

a. Nếu bên nhận thầu bị cản trở thực hiện nhiệm vụ của mình theo hợp đồng do bất khả kháng mà đã thông báo theo các Điều khoản của hợp đồng dẫn đến chậm thực hiện công việc và phát sinh chi phí do bất khả kháng, bên nhận thầu sẽ có quyền đề nghị xử lý như sau:

- Được kéo dài thời gian do sự chậm trễ theo quy định của Hợp đồng (gia hạn thời gian hoàn thành).

- Được thanh toán các chi phí phát sinh theo các Điều khoản quy định

trong hợp đồng.

b. Bên giao thầu phải xem xét quyết định các đề nghị của bên nhận thầu.

c. Việc xử lý hậu quả bất khả kháng không áp dụng đối với các nghĩa vụ thanh toán tiền của bất cứ bên nào cho bên kia theo hợp đồng.

4. Chấm dứt hợp đồng do bất khả kháng, thanh toán, hết trách nhiệm

- Nếu việc thực hiện các công việc của Hợp đồng bị dừng do bất khả kháng đã được thông báo theo quy định của Hợp đồng trong khoảng thời gian mà tổng số ngày bị dừng lớn hơn số ngày do bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai bên có quyền gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho bên kia.

- Đối với trường hợp chấm dứt này, bên giao thầu sẽ phải thanh toán cho bên nhận thầu:

- Các khoản thanh toán cho bất kỳ công việc nào đã được thực hiện mà giá đã được nêu trong hợp đồng.

### **Điều 18. Tạm ngừng công việc trong hợp đồng**

1. Tạm ngừng công việc bởi Chủ đầu tư

Nếu Nhà thầu không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng, Chủ đầu tư có thể ra thông báo tạm ngừng toàn bộ hoặc một phần công việc của Nhà thầu, Chủ đầu tư phải nêu rõ phần lỗi của Nhà thầu và yêu cầu Nhà thầu phải thực hiện và sửa chữa các sai sót trong khoảng thời gian hợp lý cụ thể, đồng thời Nhà thầu phải bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư do tạm ngừng công việc.

2. Tạm ngừng công việc bởi Nhà thầu

- Nếu Chủ đầu tư không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng, không thanh toán theo các Điều khoản đã thỏa thuận trong Hợp đồng này.

- Sau khi Chủ đầu tư thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng, Nhà thầu phải tiếp tục tiến hành công việc bình thường ngay khi có thể được.

- Nếu các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo khoản này, Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư để xem xét. Sau khi nhận được thông báo, Chủ đầu tư xem xét và có ý kiến về các vấn đề đã nêu.

- Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong Hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công việc thực hiện. Hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết để tiếp tục thực hiện Hợp đồng.

### **Điều 19. Chấm dứt hợp đồng**

1. Chấm dứt Hợp đồng bởi Chủ đầu tư.

Chủ đầu tư có thể chấm dứt Hợp đồng, sau 15 ngày kể từ ngày gửi văn bản kết thúc Hợp đồng đến Nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ được quyền chấm dứt Hợp đồng nếu:

- Nhà thầu không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà Nhà thầu không

thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng 15 ngày mà Chủ đầu tư có thể chấp nhận được kể từ ngày nhận được thông báo của chủ đầu tư về sai sót đó.

- Nhà thầu không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều 8 [Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng], hoặc 15 ngày liên tục không thực hiện công việc theo Hợp đồng.

- Chuyển nhượng Hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của Chủ đầu tư.

- Nhà thầu bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được ủy quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này.

- Nhà thầu từ chối không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 21 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp].

- Nhà thầu cố ý trình Chủ đầu tư các tài liệu không đúng sự thật gây ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ và lợi ích của Chủ đầu tư.

Sau khi chấm dứt Hợp đồng, Chủ đầu tư có thể thuê các nhà thầu khác thực hiện tiếp công việc tư vấn. Chủ đầu tư và các Nhà thầu này có thể sử dụng bất cứ tài liệu nào đã có.

## 2. Chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu.

Nhà thầu có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Chủ đầu tư tối thiểu là 7 ngày trong các trường hợp sau đây:

- Sau 15 ngày liên tục công việc bị ngừng do lỗi của Chủ đầu tư.

- Chủ đầu tư không thanh toán cho Nhà thầu theo hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều 21 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp] sau 45 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

- Chủ đầu tư không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 21 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp].

- Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà nhà thầu không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian không dưới 45 ngày.

- Chủ đầu tư có sự kiện nào đó xảy ra (theo các luật hiện hành)

## 3. Khi chấm dứt hợp đồng, thì các quyền và nghĩa vụ của các bên sẽ chấm dứt trừ Điều Khoản về giải quyết tranh chấp.

## 4. Khi một trong hai bên chấm dứt hợp đồng, thì ngay khi gửi hay nhận văn bản chấm dứt hợp đồng, Nhà thầu sẽ thực hiện các bước cần thiết để kết thúc công việc tư vấn một cách nhanh chóng và cố gắng để giảm tối đa mức chi phí.

## 5. Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng: Việc thanh toán thực hiện theo Điều 9 [Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán] cho các công việc đã thực hiện trước ngày chấm dứt có hiệu lực (bao gồm chi phí chuyên gia, chi phí mua sắm thiết bị, các

chi phí khác...).

### **Điều 20. Thưởng, phạt và trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng**

1. Thưởng hợp đồng: Không áp dụng
2. Phạt vi phạm hợp đồng

Đối với nhà thầu: Nếu chậm tiến độ thực hiện hợp đồng 10 ngày thì phạt 0,05 % giá hợp đồng cho 01 ngày chậm nhưng tổng số tiền phạt không quá 2% giá trị hợp đồng bị vi phạm.

Đối với chủ đầu tư: Nếu thanh toán chậm cho nhà thầu theo quy định tại Điều 9. [Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán] thì phải bồi thường cho nhà thầu theo lãi suất quá hạn áp dụng cho ngày đầu tiên chậm thanh toán cho Ngân hàng thương mại mà nhà thầu mở tài Khoản công bố kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến khi chủ đầu tư đã thanh toán đầy đủ cho nhà thầu.

### **Điều 21. Khiếu nại và giải quyết tranh chấp**

1. Khi một bên phát hiện bên kia thực hiện không đúng hoặc không thực hiện nghĩa vụ theo đúng Hợp đồng thì có quyền yêu cầu bên kia thực hiện theo đúng nội dung Hợp đồng đã ký kết. Khi đó bên phát hiện có quyền khiếu nại bên kia về nội dung này. Bên kia phải đưa ra các căn cứ, dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại trong vòng 05 ngày.

2. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các Bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

Trường hợp thương lượng không có kết quả thì trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp Hợp đồng không thể hòa giải, các Bên sẽ gửi vấn đề lên trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam (hoặc Tòa án Nhân dân) theo quy định của pháp luật. Quyết định của Trọng tài (hoặc Tòa án Nhân dân) là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.

3. Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các Điều khoản về giải quyết tranh chấp.

### **Điều 22. Quyết toán và thanh lý Hợp đồng**

1. Quyết toán Hợp đồng

Sau khi có biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn theo Hợp đồng và xác nhận của Chủ đầu tư rằng Nhà thầu đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ theo quy định của Hợp đồng, Nhà thầu sẽ trình cho Chủ đầu tư 10 bộ tài liệu quyết toán hợp đồng; hồ sơ quyết toán bao gồm:

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn.
- Bản xác nhận giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có).
- Bảng tính giá trị quyết toán Hợp đồng trong đó nêu rõ phần đã thanh toán, giá trị còn lại mà chủ đầu tư phải thanh toán cho nhà thầu và theo mẫu theo quy định.

2. Việc thanh lý Hợp đồng phải được hoàn tất trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày các Bên hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng.

### **Điều 23. Điều Khoản chung**

Các Bên đồng ý với tất cả các Điều khoản, quy định và điều kiện của Hợp đồng này. Không có cơ quan nào hoặc đại diện của Bên nào có quyền đưa ra tuyên bố, trình bày, hứa hẹn hoặc thỏa thuận nào mà không được nêu ra trong Hợp đồng; Không bên nào bị ràng buộc hoặc có trách nhiệm trước các điều đó.

Các bên cam kết thực hiện một cách trung thực, công bằng và đảm bảo để thực hiện theo Mục tiêu của Hợp đồng.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hết hiệu lực sau khi thanh lý Hợp đồng.

Hợp đồng này được lập thành 10 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Chủ đầu tư sẽ giữ 06 bản, nhà thầu sẽ giữ 04 bản./.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**  
**CHI CỤC THỦY LỢI TỈNH**  
**VĨNH PHÚC**



**PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**  
*Dương Xuân Chế*

**ĐẠI DIỆN BÊN B**  
**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN,**  
**TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY**  
**DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT**



**GIÁM ĐỐC**  
*PGS.TS. Trần Đình Kiên*

## NHÂN LỰC CỦA NHÀ THẦU

(Kèm theo Hợp đồng số /2022/HĐTV ngày tháng 12 năm 2022 giữa Chi cục Thủy lợi tỉnh Vĩnh Phúc và Công ty TNHH Tư vấn, triển khai công nghệ và xây dựng Mô - Địa chất (CODECO)

STT	Họ tên	Vị trí	Trình độ chuyên môn
1	Phan Văn Quang	Chủ trì dự án	Kỹ sư Địa chất công trình
2	Lê Hữu Tú	Tổ trưởng khảo sát địa chất	Kỹ sư Địa chất công trình
3	Mai Thanh Tân	Cán bộ kỹ thuật quản lý hồ sơ	Kỹ sư Tiến sỹ địa mạo
4	Hoàng Quốc Việt	Cán bộ kỹ thuật quản lý hồ sơ	Kỹ sư Kinh tế Xây dựng
5	Phan Thanh Chương	Cán bộ kỹ thuật khảo sát địa chất	Kỹ sư Địa chất công trình
6	Bùi Tiến Minh	Tổ trưởng tổ Khảo sát địa hình, đo vẽ bản đồ	Kỹ sư trắc địa
7	Trần Thị Phi Nga	Tổ trưởng khảo sát địa chất	Kỹ sư Địa chất công trình
8	Vũ Sơn Tùng	Tổ trưởng tổ Khảo sát địa hình, đo vẽ bản đồ	Kỹ sư trắc địa

**PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG**

(Kèm theo Hợp đồng số /2022/HĐTV ngày tháng 12 năm 2022 giữa Chi cục Thủy lợi tỉnh Vĩnh Phúc và Công ty TNHH Tư vấn, triển khai công nghệ và xây dựng Mô - Địa chất

Phụ lục 02

STT	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Hình thức nghiệm thu
1	Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình trên cạn bằng máy toàn đạc điện tử và máy thủy bình điện tử; bản đồ tỷ lệ 1/1.000, đường đồng mức 1m, cấp địa hình VI	100ha	0,41	298.715.697	123.070.867	Bảo cáo khảo sát địa hình kèm bản vẽ, mặt cắt Bảo cáo khảo sát địa chất công trình kèm bản vẽ Bảo cáo công tác khoan, thiết đồ lỗ khoan
2	Công tác đo vẽ mặt cắt địa hình, đo vẽ mặt cắt dọc ở trên cạn; cấp địa hình VI	100m	40,00	2.061.059	82.442.349	
3	Công tác đo vẽ bản đồ địa chất công trình, bản đồ tỷ lệ 1/2.000, cấp phức tạp III	1ha	41,20	5.703.169	234.970.554	
4	Khoan xoay bơm rửa bằng ống mẫu ở trên cạn, độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m, cấp đất đá I - III.	1m khoan	120,00	1.029.406	123.528.763	
5	Khoan xoay bơm rửa bằng ống mẫu ở trên cạn, độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m, cấp đất đá VII-VIII	1m khoan	20,00	2.331.362	46.627.237	
6	Công tác bơm cấp nước phục vụ khoan xoay bơm rửa ở trên cạn (khi phải tiếp nước cho các lỗ khoan ở xa nguồn nước > 50m hoặc cao hơn nơi lấy nước ≥ 9m), độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m, cấp đất đá VII - VIII	1m khoan	20,00	667.948	13.358.967	
7	Công tác bơm cấp nước phục vụ khoan xoay bơm rửa ở trên cạn (khi phải tiếp nước cho các lỗ khoan ở xa nguồn nước > 50m hoặc cao hơn nơi lấy nước ≥ 9m), độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m, cấp đất đá I - III	1m khoan	120,00	327.015	39.241.849	



STT	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Hình thức nghiệm thu
8	Công tác thí nghiệm tại hiện trường, thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT, cấp đất đá I-III	1 lần thí nghiệm	60,00	389.630	23.377.797	Báo cáo công tác thí nghiệm hiện trường
9	Công tác thí nghiệm tại hiện trường, thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT, cấp đất đá IV-VI	1 lần thí nghiệm	20,00	532.027	10.640.537	
10	Phân tích khoáng trên máy vi nhiệt, Phân tích khoáng của VL trên máy vi nhiệt: Chạy DTA, DTG ở nhiệt độ >1000oC	1 chỉ tiêu	5,00	914.852	4.574.259	Bảng kết quả phân tích
11	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối lượng riêng	1 chỉ tiêu	60,00	400.936	24.056.167	
12	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu độ ẩm độ hút ẩm	1 chỉ tiêu	60,00	86.792	5.207.506	
13	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu giới hạn dẻo, giới hạn chảy	1 chỉ tiêu	60,00	152.584	9.155.019	
14	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, thành phần hạt	1 chỉ tiêu	60,00	220.834	13.250.041	
15	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, hàm lượng hữu cơ mất khi nung	1 chỉ tiêu	60,00	470.662	28.239.726	
16	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, sức chống cắt trên máy cắt phẳng	1 chỉ tiêu	60,00	254.075	15.244.523	
17	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, tính nén lún trong điều kiện không nở hông	1 chỉ tiêu	60,00	480.513	28.830.757	
18	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, khối thể tích (đung trọng)	1 chỉ tiêu	60,00	246.157	14.769.420	

STT	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Hình thức nghiệm thu
19	Thăm dò địa chấn bằng máy TRIOSX-24, cấp địa hình III-IV	1 quan sát địa vật lý	180,00	3.072.243	553.003.714	Báo cáo kết quả thăm dò địa vật lý
20	Đào xúc đất để đắp hoặc ra bãi thải, bãi tập kết bằng thủ công - Cấp đất III	1m <sup>3</sup>	519,60	267.743	139.119.075	Hóa đơn chứng từ, hợp đồng thuê khoán nhân công
21	Đắp đất bằng đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt Y/C K = 0,85	100m <sup>3</sup>	5,20	3.056.232	15.892.408	
22	Vận chuyển bằng thủ công 10m khởi điểm - sắt thép các loại	tấn	30,00	31.923	957.687	
23	Vận chuyển bằng thủ công 10m tiếp theo - sắt thép các loại	tấn	600,00	3.433	2.059.924	
24	Đo vẽ bản đồ ĐC, Tỷ lệ 1/2.000 không quan sát xạ _ điều kiện địa hình phức tạp (Ngoài trời). Mục 3.2.4.2 đo vẽ địa chất- đơn giá 1490 Bộ TN&MT /QĐ1997 ngày 31/07/2019	km <sup>2</sup>	0,412	71.673.543	29.529.500	Báo cáo đo vẽ địa chất kèm bản vẽ
25	Đo vẽ bản đồ ĐC, Tỷ lệ 1/2.000 không quan sát xạ _ điều kiện địa hình phức tạp (Trong phòng). Mục 3.3.4.2 văn phòng cho đo vẽ địa chất -- đơn giá 1490 Bộ TN&MT /QĐ1997 ngày 31/07/2019	km <sup>2</sup>	0,412	178.814.535	73.671.588	
	Thù lao cho chuyên gia	Trọn gói			93.213.575	
	Thù lao khác cơ chuyên gia	Trọn gói			15.562.963	
	Gí trị trước thuế				1763.596.772	
	VAT		8%		141.087.742	
	<b>Tổng cộng</b>				<b>1.904.684.514</b>	
	<b>Giá trị gói thầu Làm tròn</b>				<b>1.904.685.000</b>	

(Bảng chữ: Một tỷ chín trăm linh bốn triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn đồng)

104/2022  
Mẫu số 03.a/TT

**BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH**

Tên dự án: Điều tra, khảo sát tổng thể đánh giá nguy cơ và đề xuất các giải pháp xử lý nguy cơ trượt lở đất, đá khu vực núi Phòng Không thuộc khu danh thắng Tây Thiên, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc

Mã dự án: .....

Tên gói thầu: Gói thầu số 1 "Điều tra, khảo sát tổng thể đánh giá nguy cơ và đề xuất các giải pháp xử lý nguy cơ trượt lở đất, đá khu vực núi Phòng Không thuộc khu danh thắng Tây Thiên, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc"

Căn cứ hợp đồng số: 103/2022/HĐTV ngày 14/12/2022

Căn cứ quyết định phê duyệt dự toán số (trong trường hợp không thông qua hợp đồng):

Chủ đầu tư: Chi cục Thủy lợi Vĩnh Phúc

Nhà thầu (đơn vị thực hiện trong trường hợp không thông qua hợp đồng):.....

Thanh toán lần thứ: 1

Căn cứ xác định:

Biên bản nghiệm thu ngày 3.0 tháng 1.2 năm 2022

Phụ lục bổ sung hợp đồng ngày..... tháng ..... năm 202....

STT	Tên công việc	Đơn vị tính	Khối lượng			Đơn giá thành toán theo hợp đồng hoặc dự toán	Thành tiền			Đơn vị: đồng, ngoại tệ		
			Khối lượng theo hợp đồng hoặc dự toán	Thực hiện			Theo hợp đồng hoặc dự toán	Thực hiện				
				Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này			Lũy kế đến hết kỳ này	Thực hiện kỳ này			
1	Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình trên cạn bằng máy toàn đạc điện tử và máy thủy bình điện tử; bản đồ tỷ lệ 1/1.000, đường đồng mức 1m, cấp địa hình VI	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
1	Công tác đo vẽ mặt cắt địa hình, đo vẽ mặt cắt dọc ở trên cạn; cấp địa hình VI	100ha	0,412		0,412	0,412	298.715.697	123.070.867		123.070.867		123.070.867
2	Công tác đo vẽ mặt cắt địa hình, đo vẽ mặt cắt dọc ở trên cạn; cấp địa hình VI	100ha	40		40	40	2.061.059	82.442.349		82.442.349		82.442.349
3	Công tác đo vẽ bản đồ địa chất công trình, bản đồ tỷ lệ 1/2.000, cấp phức tạp III	ha	41,2		41,2	41,2	5.703.169	234.970.554		234.970.554		234.970.554
4	Khoan xoay bơm rửa bằng ống mẫu ở trên cạn độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m cấp đất đá I - III	m	120		120	120	1.029.406	123.528.763		123.528.763		123.528.763
5	Khoan xoay bơm rửa bằng ống mẫu ở trên cạn độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m cấp đất đá VII - V III	m	20		20	20	2.331.362	46.627.237		46.627.237		46.627.237
6	Công tác bơm cấp nước phục vụ khoan xoay bơm rửa ở trên cạn (khi phải tiếp nước cho các lk ở xa nguồn nước > 50m hoặc cao hơn nơi lấy nước ≥ 9m), độ sâu lk từ 0m đến 30m, cấp đất đá VII - VIII	m	20		20	20	667.948	13.358.967		13.358.967		13.358.967
7	Công tác bơm cấp nước phục vụ khoan xoay bơm rửa ở trên cạn (khi phải tiếp nước cho các lk ở xa nguồn nước > 50m hoặc cao hơn nơi lấy nước ≥ 9m), độ sâu lk từ 0m đến 30m, cấp đất đá I - III	m	120		120	120	327.015	39.241.849		39.241.849		39.241.849



STT	Tên công việc	Đơn vị tính	Khối lượng				Đơn giá thanh toán theo hợp đồng hoặc dự toán	Thành tiền			Ghi chú	
			Khối lượng theo hợp đồng hoặc dự toán	Thực hiện		Theo hợp đồng hoặc dự toán		Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện			Lũy kế đến hết kỳ này
				Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này				Lũy kế đến hết kỳ này	Thực hiện kỳ này		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
8	Công tác thí nghiệm tại hiện trường, thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT, cấp đất đá I-III	lần	60		60	60	389.630	23.377.797		23.377.797	23.377.797	
9	Công tác thí nghiệm tại hiện trường, thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT, cấp đất đá IV-VI	lần	20		20	20	532.027	10.640.537		10.640.537	10.640.537	
10	Phân tích khoáng trên máy vi nhiệt, Phân tích khoáng của VL trên máy vi nhiệt: Chạy DTA, DTG ở nhiệt độ >1000oC	Chỉ tiêu	5				914.852	4.574.259				
11	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối lượng riêng	Chỉ tiêu	60				400.936	24.056.167				
12	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu độ ẩm độ hút ẩm	Chỉ tiêu	60				86.792	5.207.506				
13	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu giới hạn dẻo, giới hạn chảy	Chỉ tiêu	60				152.584	9.155.019				
14	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, thành phần hạt	Chỉ tiêu	60				220.834	13.250.041				
15	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, hàm lượng hữu cơ mất khi nung	Chỉ tiêu	60				470.662	28.239.726				
16	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, sức chống cắt trên máy cát phẳng	Chỉ tiêu	60				254.075	15.244.523				
17	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, tính nén lún trong điều kiện không nở hông	Chỉ tiêu	60				480.513	28.830.757				
18	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, khối thể tích (dung trọng)	Chỉ tiêu	60				246.157	14.769.420				
19	Đào xúc đất để đắp hoặc ra bãi thải, bãi tập kết bằng thủ công - Cấp đất III	m3	519,6		519,6	519,6	267.743	139.119.075		139.119.075	139.119.075	
20	Đắp đất bằng đầm dầm cầm tay 70kg, độ chặt Y/C K = 0,85	100m3	5,2		5,2	5,2	3.056.232	15.892.408		15.892.408	15.892.408	
21	Vận chuyển bằng thủ công 10m khởi điểm - sắt thép các loại	tấn	30		30	30	31.923	957.687		957.687	957.687	
22	Vận chuyển bằng thủ công 10m tiếp theo - sắt thép các loại	tấn	600		600	600	3.433	2.059.924		2.059.924	2.059.924	
23	Thăm dò địa chấn bằng máy TRIOSX-24, cấp địa hình III-IV	quan sát	180		180	180	3.072.243	553.003.714		553.003.714	553.003.714	
24	Đo vẽ bản đồ ĐC, Tỷ lệ 1/2.000 không quan sát xạ - điều kiện địa hình phức tạp (Ngoài trời). Mục 3.2.4.2 đo vẽ địa chất- đơn giá 1490 Bộ TN&MT /QĐ1997 ngày 31/07/2019	km2	0,412		0,412	0,412	71.673.543	29.529.500		29.529.500	29.529.500	
25	Đo vẽ bản đồ ĐC, Tỷ lệ 1/2.000 không quan sát xạ - điều kiện địa hình phức tạp (Trong phòng). Mục 3.3.4.2 vẫn phòng cho đo vẽ địa chất -- đơn giá 1490 Bộ TN&MT /QĐ1997 ngày 31/07/2019	km2	0,412				178.814.535	73.671.588				

STT	Tên công việc	Đơn vị tính	Khối lượng			Đơn giá thanh toán đồng hoặc dự toán	Theo hợp đồng hoặc dự toán	Thành tiền			Ghi chú	
			Khối lượng theo hợp đồng hoặc dự toán	Thực hiện				Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	Lũy kế đến hết kỳ này		
				Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này							Lũy kế đến hết kỳ này
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
26	Thù lao cho chuyên gia	gói	1				93.213.575					
27	Thù lao khác cơ chuyên gia	gói	1				15.562.963					
	Giá trị trước thuế						1.763.596.772					
	VAT	%	8%				141.087.742					
	Làm tròn						1.904.684.514					
							1.904.685.000					

1. Giá trị hợp đồng (giá trị dự toán được phê duyệt trong trường hợp thực hiện không thông qua hợp đồng): 1.904.685.000 đồng
2. Giá trị tạm ứng còn lại chưa thu hồi đến cuối kỳ trước: đồng
3. Số tiền đã thanh toán khối lượng hoàn thành đến cuối kỳ trước: đồng
4. Lũy kế giá trị khối lượng thực hiện đến cuối kỳ này: đồng
5. Thanh toán để thu hồi tạm ứng: đồng
6. Giá trị đề nghị giải ngân kỳ này: đồng
- Số tiền bằng chữ: ..... , trong đó:

- Tạm ứng:

- Thanh toán khối lượng hoàn thành:

7. Lũy kế giá trị giải ngân:

Trong đó:

- Tạm ứng:

- Thanh toán khối lượng hoàn thành:

..... Ngày 30 tháng 10 năm 2022.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU  
CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY

DỰNG MÔ ĐỊA CHẤT



GIÁM ĐỐC

PGS.TS. Trần Đình Kiên

CHỊ CỤC THỦY LỢI TỈNH VINH PHÚC



PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG

Đường Xuân Thế

**BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH**

Tên dự án: Điều tra, khảo sát công thể danh giá nguy cơ và đề xuất các giải pháp xử lý nguy cơ trượt lở đất, đá khu vực núi Phòng  
 Phòng thuộc Khu danh thắng Tây Thiên, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc Mã dự án: .....

Tên gói thầu: Gói thầu số 1 "Điều tra, khảo sát công thể danh giá nguy cơ và đề xuất các giải pháp xử lý nguy cơ trượt lở đất, đá khu vực núi Phòng Không thuộc Khu danh thắng Tây Thiên, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc"

Cần cứ hợp đồng số: 103/2022/HDTV ngày 14/12/2022 Phụ lục bổ sung hợp đồng ngày: ..... tháng ... năm 2022 ...

Cần cứ quyết định phê duyệt dự toán số (trong trường hợp không thông qua hợp đồng):

Chủ đầu tư: Chi cục Thủy lợi Vĩnh Phúc

Nhà thầu (đơn vị thực hiện trong trường hợp không thông qua hợp đồng):.....

Thanh toán lần thứ: Quyết toán

Cần cứ xác định:

Biên bản nghiệm thu ngày: tháng năm 2025

STT	Tên công việc	Đơn vị tính	Khối lượng				Đơn giá thành toán theo hợp đồng dự toán	Theo hợp đồng hoặc dự toán	Thành tiền			Ghi chú
			Khối lượng theo hợp đồng hoặc dự toán	Thực hiện		Lũy kế đến hết kỳ này			Thực hiện kỳ này	Lũy kế đến hết kỳ này		
				Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này							
1	Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình trên can bằng máy toàn đạc điện tử và máy thủy bình điện tử, bản đồ tỷ lệ 1/1.000, đương đồng mức 1m, cấp địa hình VI	100ha	0.412	0.412	0.412	298.715.697	123.070.867	123.070.867	-	123.070.867		
2	Công tác đo vẽ mặt cắt địa hình, đo vẽ mặt cắt dọc ở trên can, cấp địa hình VI	100ha	40	40	40	2.061.059	82.442.349	82.442.349	-	82.442.349		
3	Công tác đo vẽ bản đồ địa chất công trình, bản đồ tỷ lệ 1/2.000, cấp phức tạp III	ha	41.2	41.2	41.2	5.703.169	234.970.554	234.970.554	-	234.970.554		
4	Khoan xoay bơm rửa bằng ống mẫu ở trên can độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m cấp đất đá I - III	m	120	120	120	1.029.406	123.528.763	123.528.763	-	123.528.763		
5	Khoan xoay bơm rửa bằng ống mẫu ở trên can độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m cấp đất đá VII - VIII	m	20	20	20	2.331.362	46.627.237	46.627.237	-	46.627.237		
6	Công tác bơm cấp nước phục vụ khoan xoay bơm rửa ở trên can (khi phải tiếp nước cho các lk ở xa nguồn nước > 50m hoặc cao hơn hơn lấy nước ≥ 9m), độ sâu hk từ 0m đến 30m, cấp đất đá VII - VIII	m	20	20	20	667.948	13.358.967	13.358.967	-	13.358.967		
7	Công tác bơm cấp nước phục vụ khoan xoay bơm rửa ở trên can (khi phải tiếp nước cho các lk ở xa nguồn nước > 50m hoặc cao hơn hơn lấy nước ≥ 9m), độ sâu hk từ 0m đến 30m, cấp đất đá I - III	m	120	120	120	327.015	39.241.849	39.241.849	-	39.241.849		
8	Công tác thí nghiệm tại hiện trường, thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT, cấp đất đá I-III	lần	60	60	60	389.630	23.377.797	23.377.797	-	23.377.797		
9	Công tác thí nghiệm tại hiện trường, thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT, cấp đất đá IV-VI	lần	20	20	20	532.027	10.640.537	10.640.537	-	10.640.537		
10	Phân tích khoáng trên máy vi nhiệt, Phân tích khoáng của VL trên máy vi nhiệt Chạy DTA, DTG ở nhiệt độ >1000oC	Chi tiêu	5	5	5	914.852	4.574.259	4.574.259	-	4.574.259		
11	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu Khối lượng riêng	Chi tiêu	60	60	60	400.936	24.056.167	24.056.167	-	24.056.167		
12	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu độ ẩm độ hạt ẩm	Chi tiêu	60	60	60	86.792	5.207.506	5.207.506	-	5.207.506		

Đơn vị: đồng

13	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu giới hạn dẻo, giới hạn chảy	Chỉ tiêu	60	60	60	60	152.584	9.155.019	9.155.019	9.155.019	9.155.019
14	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, thành phần hạt	Chỉ tiêu	60	60	60	60	220.834	13.250.041	13.250.041	13.250.041	13.250.041
15	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, hàm lượng hữu cơ mất khi nung	Chỉ tiêu	60	60	60	60	470.662	28.239.726	28.239.726	28.239.726	28.239.726
16	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, sức chống cắt trên máy cắt phẳng	Chỉ tiêu	60	60	60	60	254.075	15.244.523	15.244.523	15.244.523	15.244.523
17	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, hình nền lún trong điều kiện không nở hông	Chỉ tiêu	60	60	60	60	480.513	28.830.757	28.830.757	28.830.757	28.830.757
18	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, khối thể tích (đùng trong)	Chỉ tiêu	60	60	60	60	246.157	14.769.420	14.769.420	14.769.420	14.769.420
19	Đào xúc đất để đập hoặc ra bãi thải, bãi tập kết bằng thủ công - Cấp đất III	m3	519,6	519,6	519,6	519,6	267.743	139.119.075	139.119.075	139.119.075	139.119.075
20	Đập đất bằng đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt Y/C K = 0,85	100m3	5,2	5,2	5,2	5,2	3.056.232	15.892.408	15.892.408	15.892.408	15.892.408
21	Vận chuyển bằng thủ công 10m khối điểm - sắt thép các loại	tấn	30	30	30	30	31.923	957.687	957.687	957.687	957.687
22	Vận chuyển bằng thủ công 10m tiếp theo - sắt thép các loại	tấn	600	600	600	600	3.433	2.059.924	2.059.924	2.059.924	2.059.924
23	Thảm do địa chấn bằng máy TRIOSX-24, cấp địa hình III-IV	quan sát	180	180	180	180	3.072.243	553.003.714	553.003.714	553.003.714	553.003.714
24	Đo vẽ bản đồ DC, Tỷ lệ 1/2.000 không quan sát xa - điều kiện địa hình phức tạp (Ngoài trời) Mức 3.2.4.2 đo vẽ địa chất - đơn giá 1490 Bộ TN&MT/QĐ1997 ngày 31/07/2019	km2	0,412	0,412	0,412	0,412	71.673.543	29.529.500	29.529.500	29.529.500	29.529.500
25	Đo vẽ bản đồ DC, Tỷ lệ 1/2.000 không quan sát xa - điều kiện địa hình phức tạp (Trong phòng), Mức 3.3.4.2 vận phòng cho đo vẽ địa chất -- đơn giá 1490 Bộ TN&MT/QĐ1997 ngày 31/07/2019	km2	0,412	0,412	0,412	0,412	178.814.535	73.671.588	73.671.588	73.671.588	73.671.588
26	Thu lao cho chuyên gia	gói	1	1	1	1	93.213.575	93.213.575	93.213.575	93.213.575	93.213.575
27	Thu lao khác cho chuyên gia	gói	1	1	1	1	15.562.963	15.562.963	15.562.963	15.562.963	15.562.963
		Giá trị trước thuế									
		VAT	8%								
		Làm tròn									

1. Giá trị hợp đồng (giá trị dự toán được phê duyệt trong trường hợp thực hiện không thông qua hợp đồng):

2. Giá trị tạm ứng còn lại chưa thu hồi đến cuối kỳ trước:

3. Số tiền đã thanh toán khối lượng hoàn thành đến cuối kỳ trước:

4. Lũy kế giá trị khối lượng thực hiện đến cuối kỳ này:

5. Thanh toán để thu hồi tạm ứng:

6. Giá trị đề nghị giải ngân kỳ này:

Số tiền bằng chữ: Bảy trăm linh bốn triệu, sáu trăm tám mươi lăm nghìn đồng chẵn, trong đó:

- Tạm ứng:

- Thanh toán khối lượng hoàn thành:

7. Lũy kế giá trị giải ngân:

Trong đó:

- Tạm ứng:

- Thanh toán khối lượng hoàn thành:

1.904.685.000 đồng  
0 đồng  
1.200.000.000 đồng  
1.904.685.000 đồng  
0 đồng  
704.685.000 đồng  
0 đồng  
704.685.000 đồng  
0 đồng  
704.685.000 đồng  
1.904.685.000 đồng  
0 đồng  
1.904.685.000 đồng

1.904.685.000

1.552.847.000

351.837.588

26.062.044

141.087.742

141.087.742

115.025.698

1.437.821.228

1.437.821.228

1.437.821.228

1.437.821.228

1.437.821.228

1.437.821.228

1.437.821.228

1.437.821.228

1.437.821.228

1.437.821.228

1.437.821.228

1.437.821.228

1.437.821.228

1.437.821.228

DẠI ĐIỆN NHÀ THẦU  
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY  
DỰNG MÔ DỊA CHẤT

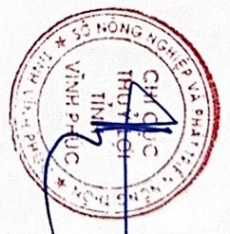


**GIÁM ĐỐC**

*PGS.TS. Trần Đình Kiên*

*B*

Ngày 25 tháng 11 năm 2023  
DẠI ĐIỆN CHỦ ĐẦU TƯ



**CHI CỤC TRƯỞNG**

*Đường Xuân Khê*

*DTR*



104/2022

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Vĩnh Phúc, ngày 14 tháng 12 năm 2022

**BIÊN BẢN THƯƠNG THẢO HỢP ĐỒNG**

**Gói thầu: Điều tra, khảo sát tổng thể đánh giá nguy cơ và đề xuất các giải pháp xử lý nguy cơ trượt lở đất, đá khu vực núi Phòng Không thuộc khu danh thắng Tây Thiên, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc.**

Số: \_\_\_\_\_/2022/HĐTV

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 28/9/2013;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 về Quy định chi tiết về hợp đồng trong hoạt động xây dựng; số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/04/2021 về sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/04/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng; Nghị định 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 08/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng tư vấn;

Hôm nay, ngày 14/12/2022 tại Chi cục Thủy lợi tỉnh Vĩnh Phúc, chúng tôi, đại diện cho các bên thương thảo hợp đồng, gồm có:

**Bên mời thầu: Chi cục Thủy lợi tỉnh Vĩnh Phúc**

**Đại diện: Ông Đường Xuân Thế**

Chức vụ: Phó Chi cục trưởng phụ trách Chi cục

Địa chỉ: số 98, đường Nguyễn Việt Xuân, phường Đống Đa, TP. Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

**Nhà thầu: Công ty TNHH Tư vấn, triển khai công nghệ và xây dựng Mỏ - Địa chất (CODECO)**

Đại diện: **Ông Trần Đình Kiên**

Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: số 36, ngõ 30, phố Tạ Quang Bửu, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.  
Văn phòng giao dịch tại tầng 1, nhà A, Trường Đại học Mỏ - Địa chất, 18 phố Viên, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

- Điện thoại (Fax): 024.3755 0428

Fax: 0243 755 0428

- Email: [codeco.mdc@gmail.com](mailto:codeco.mdc@gmail.com)

Website: codeco.vn

Số tài khoản: 111000037499, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long, Hà Nội.

- Mã số thuế doanh nghiệp: **0101074336**, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 113123 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 14/10/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 19/05/2020.

Hai bên đã thương thảo và thống nhất những nội dung trong hợp đồng như sau:

### **Điều 1. Nhiệm vụ và phạm vi công việc chi tiết của nhà thầu cần thực hiện**

1. Chủ đầu tư giao cho Nhà thầu Tư vấn đồng ý thực hiện công việc trong gói thầu: Điều tra, khảo sát tổng thể đánh giá nguy cơ và đề xuất các giải pháp xử lý nguy cơ trượt lở đất, đá khu vực núi Phòng Không thuộc khu danh thắng Tây Thiên, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc theo đúng Đề cương được duyệt tại Quyết định số 1558/QĐ-UBND ngày 16/6/2021 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc và các công việc được thể hiện cụ thể trong hồ sơ mời thầu của chủ đầu tư, biên bản thương thảo hợp đồng giữa các bên.

2. Nhà thầu cung cấp sản phẩm của hợp đồng tư vấn bao gồm: 08 bộ hồ sơ + Đĩa CD hoặc USB lưu toàn bộ các file mềm, gồm các thành phần hồ sơ sau:

+ Báo cáo tổng hợp:

- Làm rõ nguyên nhân, xác định quy mô, mức độ nguy hiểm, nguy cơ trượt lở đất, đá khu vực núi Phòng Không thuộc khu danh thắng Tây Thiên, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Dựa trên các tính toán cụ thể, đưa ra các kịch bản có thể xảy ra khi hiện tượng trượt lở đất, đá phát triển và mức độ nguy hiểm.

- Đề xuất các giải pháp xử lý, khắc phục nhằm giảm thiểu thiệt hại đối với các công trình văn hóa, xã hội, phục vụ phát triển du lịch ổn định bền vững.

+ Các bản vẽ và kết quả thực hiện theo khối lượng:

- Sơ đồ vị trí các công trình thăm dò.
- Bản đồ địa hình 1 : 1000
- Mặt cắt địa chất công trình
- Hình trụ hố khoan.
- Các bản vẽ địa chất - địa chất công trình liên quan khác.
- Kết quả thí nghiệm hiện trường.
- Kết quả thí nghiệm trong phòng.
- Kết quả đo địa vật lý và các kết quả tính toán khác.

## **Điều 2. Kế hoạch công tác và bố trí nhân sự**

1. Thời gian thực hiện Hợp đồng: Tổng thời gian thực hiện gói thầu là 60 ngày kể từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực, bao gồm cả ngày lễ, tết và ngày nghỉ (thời gian trên không bao gồm thời gian thăm định, phê duyệt và các trường hợp bất khả kháng).

2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, trường hợp nhà thầu hoặc chủ đầu tư gặp khó khăn dẫn đến chậm trễ thời gian thực hiện Hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết, đồng thời nêu rõ lý do cùng thời gian dự tính kéo dài. Sau khi nhận được thông báo kéo dài thời gian của một bên, bên kia sẽ nghiên cứu xem xét. Trường hợp chấp thuận gia hạn hợp đồng, các bên sẽ thương thảo và ký kết Phụ lục bổ sung Hợp đồng.

3. Việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng không được phép làm tăng giá hợp đồng nếu việc chậm trễ do lỗi của nhà thầu.

4. Nhân lực của Nhà thầu phải đủ điều kiện năng lực, nhân sự chủ chốt có chứng chỉ hành nghề theo quy định, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp về nghề nghiệp, công việc của họ và phù hợp với quy định về điều kiện năng lực trong pháp luật xây dựng được quy định cụ thể trong hồ sơ mời thầu.

5. Chức danh, công việc thực hiện, trình độ và thời gian dự kiến tham gia thực hiện được quy định trong hồ sơ đề xuất và danh sách nhân sự theo **phụ lục số 01**. Trường hợp thay đổi nhân sự, Nhà thầu phải trình bày lý do, đồng thời cung cấp lý lịch của người thay thế cho Chủ đầu tư, người thay thế phải có trình độ tương đương hoặc cao hơn người bị thay thế. Nếu Chủ đầu tư không có ý kiến về nhân sự thay thế trong vòng 5 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Nhà thầu thì nhân sự đó coi như được Chủ đầu tư chấp thuận.

6. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu Nhà thầu thay thế nhân sự nếu người đó không đáp ứng được yêu cầu của Chủ đầu tư hoặc không đúng với hồ sơ nhân sự trong hợp đồng. Trong trường hợp này, Nhà thầu phải gửi văn bản thông báo cho chủ đầu tư

trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư về việc thay đổi nhân sự. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do Nhà thầu chịu. Mức thù lao cho nhân sự thay thế không vượt mức thù lao cho người bị thay thế.

7. Nhà thầu có thể điều chỉnh thời gian làm việc của nhân sự nếu cần thiết nhưng không làm tăng giá hợp đồng. Những điều chỉnh khác chỉ được thực hiện khi được Chủ đầu tư chấp thuận.

8. Nhà thầu tổ chức thực hiện công việc theo tiến độ đã thỏa thuận. Giờ làm việc, làm việc ngoài giờ, thời gian làm việc, ngày nghỉ... thực hiện theo Bộ Luật Lao động.

### **Điều 3. Giá gói thầu, tạm ứng và thanh toán**

1. Giá gói thầu ( đã bao gồm thuế VAT)

Giá gói thầu làm tròn là: **1.904.685.000** đồng (*Bằng chữ: Một tỷ chín trăm linh bốn triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn đồng*).

2. Nội dung của giá Hợp đồng

Bao gồm các hạng mục công việc và chi phí theo **phụ lục số 02**

3. Tạm ứng: Không

4. Bảo đảm thực hiện hợp đồng và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng: Không áp dụng

5. Tiến độ thanh toán

- Chủ đầu tư sẽ thanh toán tiền thực hiện Hợp đồng cho nhà thầu trên cơ sở khối lượng công việc thực tế hoàn thành được nghiệm thu thành 02 đợt. Cụ thể:

+ Đợt 1. Thanh toán đến 60% giá trị của Hợp đồng sau khi nhà thầu hoàn thành các công việc khảo sát địa hình, địa chất thực hiện gói thầu: Điều tra, khảo sát tổng thể đánh giá nguy cơ và đề xuất các giải pháp xử lý nguy cơ trượt lở đất, đá khu vực núi Phòng Không thuộc khu danh thắng Tây Thiên, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc (*theo tiến độ vốn được cấp*);

+ Đợt 2. Thanh toán 40% giá trị của Hợp đồng sau khi nhà thầu hoàn thành xong các công việc của gói thầu và bàn giao xong tài liệu (theo điều I, khoản 2).

- Thời điểm thanh toán: Sau khi chủ đầu tư nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán của nhà thầu.

- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

- Đồng tiền thanh toán: Tiền Việt Nam

6. Hồ sơ thanh toán gồm:

- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành theo quy định hiện hành.
- Đề nghị thanh toán của nhà thầu bao gồm: Giá trị hoàn thành theo Hợp đồng, giá trị đề nghị thanh toán.

Việc thương thảo hợp đồng kết thúc vào 10 giờ, ngày 11/12/2022. Biên bản thương thảo hợp đồng được lập thành 10 bản, bên A giữ 06 bản, bên B mỗi giữ 04 bản, các biên bản có giá trị pháp lý như nhau./.

**ĐẠI DIỆN BÊN A  
CHI CỤC THỦY LỢI TỈNH  
VINH PHÚC**



**PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**  
*Dương Xuân Thọ*

**ĐẠI DIỆN BÊN B  
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN,  
TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY  
DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT**



**GIÁM ĐỐC**  
*PGS.TS. Trần Đình Kiên*

*11/12/2022*

## NHÂN LỰC CỦA NHÀ THẦU

(Kèm theo Biên bản thương thảo số /2022/HĐTV ngày tháng 12 năm 2022 giữa Chi cục Thủy lợi tỉnh Vĩnh Phúc và Công ty TNHH Tư vấn, triển khai công nghệ và xây dựng Mỏ - Địa chất (CODECO)

STT	Họ tên	Vị trí	Trình độ chuyên môn
1	Phan Văn Quang	Chủ trì dự án	Kỹ sư Địa chất công trình
2	Lê Hữu Tú	Tổ trưởng khảo sát địa chất	Kỹ sư Địa chất công trình
3	Mai Thanh Tân	Cán bộ kỹ thuật quản lý hồ sơ	Kỹ sư Tiến sỹ địa mạo
4	Hoàng Quốc Việt	Cán bộ kỹ thuật quản lý hồ sơ	Kỹ sư Kinh tế Xây dựng
5	Phan Thanh Chương	Cán bộ kỹ thuật khảo sát địa chất	Kỹ sư Địa chất công trình
6	Bùi Tiến Minh	Tổ trưởng tổ Khảo sát địa hình, đo vẽ bản đồ	Kỹ sư trắc địa
7	Trần Thị Phi Nga	Tổ trưởng khảo sát địa chất	Kỹ sư Địa chất công trình
8	Vũ Sơn Tùng	Tổ trưởng tổ Khảo sát địa hình, đo vẽ bản đồ	Kỹ sư trắc địa

Do tính chất công việc của Công ty TNHH Tư vấn, Triển khai công nghệ và Xây dựng Mỏ địa chất xin rút 01 cán bộ Hồ Sỹ Điệp để đi công trình khác và thay thế ông Vũ Sơn Tùng làm đội trưởng. Sự thay đổi điều động này vẫn đảm bảo các công tác về tiến độ và kỹ thuật theo yêu cầu của HSMT.

**BẢNG KHỐI LƯỢNG ĐƠN GIÁ CÁC HẠNG MỤC CHI TIẾT TRONG GÓI THẦU**  
 (Kèm theo Biên bản thương thảo số /2022/HĐTV ngày tháng 12 năm 2022 giữa Chi cục Thủy lợi tỉnh Vĩnh Phúc  
 và Công ty TNHH Tư vấn, triển khai công nghệ và xây dựng Mô - Địa chất

Phụ lục 02

STT	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Hình thức nghiệm thu
1	Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình trên cạn bằng máy toàn đạc điện tử và máy thủy bình điện tử; bản đồ tỷ lệ 1/1.000, đường đồng mức 1m, cấp địa hình VI	100ha	0,41	298.715.697	123.070.867	Báo cáo khảo sát địa hình kèm bản vẽ, mặt cắt Báo cáo khảo sát địa chất công trình kèm bản vẽ
2	Công tác đo vẽ mặt cắt địa hình, đo vẽ mặt cắt dọc ở trên cạn; cấp địa hình VI	100m	40,00	2.061.059	82.442.349	
3	Công tác đo vẽ bản đồ địa chất công trình, bản đồ tỷ lệ 1/2.000, cấp phức tạp III	1ha	41,20	5.703.169	234.970.554	
4	Khoan xoay bơm rửa bằng ống mẫu ở trên cạn, độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m, cấp đất đá I - III.	1m khoan	120,00	1.029.406	123.528.763	
5	Khoan xoay bơm rửa bằng ống mẫu ở trên cạn, độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m, cấp đất đá VII-VIII	1m khoan	20,00	2.331.362	46.627.237	
6	Công tác bơm cấp nước phục vụ khoan xoay bơm rửa ở trên cạn (khi phải tiếp nước cho các lỗ khoan ở xa nguồn nước > 50m hoặc cao hơn nơi lấy nước ≥ 9m), độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m, cấp đất đá VII - VIII	1m khoan	20,00	667.948	13.358.967	
7	Công tác bơm cấp nước phục vụ khoan xoay bơm rửa ở trên cạn (khi phải tiếp nước cho các lỗ khoan ở xa nguồn nước > 50m hoặc cao hơn nơi lấy nước ≥ 9m), độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m, cấp đất đá I - III	1m khoan	120,00	327.015	39.241.849	

STT	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Hình thức nghiệm thu
8	Công tác thí nghiệm tại hiện trường, thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT, cấp đất đá I-III	1 lần thí nghiệm	60,00	389.630	23.377.797	Bảo cáo công tác thí nghiệm hiện trường
9	Công tác thí nghiệm tại hiện trường, thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT, cấp đất đá IV-VI	1 lần thí nghiệm	20,00	532.027	10.640.537	
10	Phân tích khoáng trên máy vi nhiệt, Phân tích khoáng của VL trên máy vi nhiệt: Chạy DTA, DTG ở nhiệt độ >1000oC	1 chỉ tiêu	5,00	914.852	4.574.259	Bảng kết quả phân tích
11	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối lượng riêng	1 chỉ tiêu	60,00	400.936	24.056.167	
12	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu độ ẩm độ hút ẩm	1 chỉ tiêu	60,00	86.792	5.207.506	
13	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu giới hạn dẻo, giới hạn chảy	1 chỉ tiêu	60,00	152.584	9.155.019	
14	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, thành phần hạt	1 chỉ tiêu	60,00	220.834	13.250.041	
15	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, hàm lượng hữu cơ mất khi nung	1 chỉ tiêu	60,00	470.662	28.239.726	
16	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, sức chống cắt trên máy cắt phẳng	1 chỉ tiêu	60,00	254.075	15.244.523	
17	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, tính nén lún trong điều kiện không nở hông	1 chỉ tiêu	60,00	480.513	28.830.757	
18	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, khối thể tích (dung trọng)	1 chỉ tiêu	60,00	246.157	14.769.420	



STT	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Hình thức nghiệm thu
19	Thăm dò địa chấn bằng máy TRIOSX-24, cấp địa hình III-IV	1 quan sát địa vật lý	180,00	3.072.243	553.003.714	Báo cáo kết quả thăm dò địa vật lý
20	Đào xúc đất để đắp hoặc ra bãi thải, bãi tập kết bằng thủ công - Cấp đất III	1m <sup>3</sup>	519,60	267.743	139.119.075	Hóa đơn chứng từ, hợp đồng thuê khoán nhân công
21	Đắp đất bằng đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt Y/C K = 0,85	100m <sup>3</sup>	5,20	3.056.232	15.892.408	
22	Vận chuyển bằng thủ công 10m khởi điểm - sắt thép các loại	tấn	30,00	31.923	957.687	
23	Vận chuyển bằng thủ công 10m tiếp theo - sắt thép các loại	tấn	600,00	3.433	2.059.924	
24	Đo vẽ bản đồ ĐC, Tỷ lệ 1/2.000 không quan sát xạ _ điều kiện địa hình phức tạp (Ngoài trời). Mục 3.2.4.2 đo vẽ địa chất- đơn giá 1490 Bộ TN&MT /QĐ1997 ngày 31/07/2019	km <sup>2</sup>	0,412	71.673.543	29.529.500	
25	Đo vẽ bản đồ ĐC, Tỷ lệ 1/2.000 không quan sát xạ _ điều kiện địa hình phức tạp (Trong phòng). Mục 3.3.4.2 văn phòng cho đo vẽ địa chất -- đơn giá 1490 Bộ TN&MT /QĐ1997 ngày 31/07/2019	km <sup>2</sup>	0,412	178.814.535	73.671.588	
	Thù lao cho chuyên gia				93.213.575	
	Thù lao khác cho chuyên gia				15.562.963	
	Gí trị trước thuế				1763.596.772	
	VAT		8%		141.087.742	
	<b>Tổng cộng</b>				<b>1.904.684.514</b>	
	<b>Làm tròn (1.904.685.000 theo hồ sơ thầu)</b>				<b>1.904.685.000</b>	

(Bảng chữ: Một tỷ chín trăm linh bốn triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn đồng)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU  
KẾT QUẢ KHẢO SÁT XÂY DỰNG**

**Điều tra, khảo sát tổng thể đánh giá nguy cơ và đề xuất các giải pháp xử lý  
nguy cơ trượt lở đất, đá khu vực núi Phòng Không thuộc khu danh thắng Tây  
Thiên, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc  
(Giai đoạn: Tư vấn khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật)**

**1. ĐỐI TƯỢNG NGHIỆM THU:**

Nghiệm thu khối lượng khảo sát địa hình, địa chất dự án: Điều tra, khảo sát tổng thể đánh giá nguy cơ và đề xuất các giải pháp xử lý nguy cơ trượt lở đất, đá khu vực núi Phòng Không thuộc khu danh thắng Tây Thiên, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc.

Giai đoạn: Tư vấn khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

**2. THÀNH PHẦN TRỰC TIẾP NGHIỆM THU:**

**a. Đại diện Chủ đầu tư: Chi cục Thủy Lợi tỉnh Vĩnh Phúc**

Ông: Lê Anh Minh

Chức vụ: Phó Chi cục

Ông: Nguyễn Thiệu Vỹ

Chức vụ: P.TP Quản lý CTTL

Ông: Nguyễn Hà Sự

Chức vụ: Cán bộ KT

**b. Đại diện Tư vấn giám sát: Trung tâm kiểm định giám sát công trình  
Nông nghiệp và PTNT Vĩnh Phúc**

Ông: Phùng Quốc Đồng

Chức vụ: Phó Giám Đốc

Ông: Tạ Công Thành

Chức vụ: Cán bộ giám sát

**c. Đại diện tư vấn khảo sát: Công ty TNHH Tư vấn, Triển khai Công nghệ  
và Xây dựng Mỏ Địa chất**

Ông: Trần Đình Kiên

Chức vụ: Giám đốc

Ông: Phan Văn Quang

Chức vụ: Chủ trì công trình

**3. THỜI GIAN NGHIỆM THU:**

Bắt đầu: 8.h.30 ngày 31 tháng 12 năm 2022

Kết thúc: 16.h.30 ngày 31 tháng 12 năm 2022

Tại: Chi cục Thủy lợi tỉnh Vĩnh Phúc.

#### **4. ĐÁNH GIÁ BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT XÂY DỰNG:**

##### **a. Tài liệu căn cứ:**

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung quản lý chất lượng thi công và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Văn bản số 2806/BNN-TCTL ngày 17/5/2021 của Bộ Nông nghiệp & PTNT về việc khắc phục sạt lở do mưa lũ tại khu vực Núi Phòng Không - khu danh lam thắng cảnh Tây Thiên;

Căn cứ Quyết định số 1558/QĐ-UBND ngày 16/6/2021 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc phê duyệt Đề cương nhiệm vụ Điều tra, khảo sát tổng thể đánh giá nguy cơ và đề xuất các giải pháp xử lý nguy cơ trượt lở đất, đá khu vực núi Phòng Không thuộc khu danh thắng Tây Thiên, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc;

Căn cứ Quyết định số 1872/QĐ-UBND ngày 17/10/2022 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc phê duyệt dự toán và phê duyệt KHLCNT gói thầu: Điều tra, khảo sát tổng thể đánh giá nguy cơ và đề xuất các giải pháp xử lý nguy cơ trượt lở đất, đá khu vực núi Phòng Không thuộc khu danh thắng Tây Thiên, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc;

Căn cứ Quyết định số 277/QĐ-CCTL ngày 14/12/2022 của Chi cục Thủy Lợi Vĩnh Phúc về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Điều tra, khảo sát tổng thể đánh giá nguy cơ và đề xuất các giải pháp xử lý nguy cơ trượt lở đất, đá khu vực núi Phòng Không thuộc khu danh thắng Tây Thiên, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc;

Căn cứ biên bản nghiệm thu công việc ngoài hiện trường

Chất lượng khảo sát xây dựng: Phù hợp với nội dung chủ yếu của Nhiệm vụ và phương án kỹ thuật khảo sát đã được phê duyệt; tuân thủ theo các quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn kỹ thuật được Nhà nước ban hành.

##### **b. Về Quy mô và phạm vi khảo sát:**

Khảo sát theo Hợp đồng số 103/2022/HĐTV ngày 14/12/2022 giữa Chi cục Thủy lợi tỉnh Vĩnh Phúc với Công ty TNHH Tư vấn, Triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ Địa chất;

##### **c. Về số lượng hình thức:**

Các biên bản liên quan kèm theo.

**d. Khối lượng điều tra khảo sát:**

STT	Danh mục công tác đo bóc	Đơn vị	Khối lượng	Khối lượng thực hiện
<b>Khảo sát địa hình</b>				
1	Lưới khống chế mặt bằng	Điểm		
-	Lưới tam giác hạng 4	Điểm	2	2
-	Lưới đường chuyên cấp 1, địa hình cấp IV	Điểm	4	4
2	Lưới khống chế độ cao			
-	Lưới thủy chuẩn hạng IV	Km	15	15
-	Lưới thủy chuẩn kỹ thuật	Km	10	10
3	Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình trên cạn bằng máy toàn đạc điện tử và máy thủy bình điện tử; bản đồ tỷ lệ 1/1.000, đường đồng mức 1m, cấp địa hình VI	ha	41,2	41,2
4	Công tác đo vẽ mặt cắt địa hình, đo vẽ mặt cắt dọc ở trên cạn; cấp địa hình VI.	100m	40.00	40.00
<b>Khảo sát địa chất</b>				
1	Khoan xoay bơm rửa bằng ống mẫu ở trên cạn, độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m, cấp đất đá I - III	m	120,0	120,0
2	Khoan xoay bơm rửa để lấy mẫu ở trên cạn. Độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m. Cấp đất đá VII -VIII	m	20,0	20,0
3	Công tác bơm cấp nước phục vụ khoan xoay bơm rửa ở trên cạn (khi phải tiếp nước cho các lỗ khoan ở xa nguồn nước > 50m hoặc cao hơn nơi lấy nước ≥ 9m), độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m, cấp đất đá I - III	m	120.0	120.0
4	Công tác bơm cấp nước phục vụ khoan xoay bơm rửa ở trên cạn (khi phải tiếp nước cho các lỗ khoan ở xa nguồn nước > 50m hoặc cao hơn nơi lấy nước ≥ 9m), độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m, cấp đất đá VII - VIII	m	20.0	20.0
5	Công tác thí nghiệm tại hiện trường, thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT, cấp đất đá I-III	Lần	60	60
6	Công tác thí nghiệm tại hiện trường, thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT, cấp đất đá IV-VI	Lần	20	20
7	Lấy mẫu đất thí nghiệm	Mẫu	60	60
8	Thăm dò địa chấn bằng máy TRIOSX-24 hoặc tương đương, cấp địa hình III-IV. (4 tuyến tổng chiều dài 940m)	1 quan sát địa vật lý	180.0	180.0
9	Đào xúc đất để đắp hoặc ra bãi thải, bãi tập kết - Cấp đất III. Mục đích tạo mặt bằng làm nền khoan cho máy + dựng chân tháp + chạy cần khoan trong quá trình khoan.	1m <sup>3</sup>	519.6	519.6

10	Đắp đất độ chặt Y/C K = 0,85	100m <sup>3</sup>	5.2	5.2
11	Vận chuyển 10m khởi điểm - sắt thép các loại. (do địa hình rất dốc nên phải tháo rời máy khoan, tháp khoan di chuyển thủ công giữa các điểm khoan)	tấn	30.0	30.0
12	Vận chuyển 10m tiếp theo - sắt thép các loại.	tấn	600.0	600.0
13	Đo vẽ bản đồ ĐC, Tỷ lệ 1/2.000 không quan sát xạ	km <sup>2</sup>	0.412	0.412
14	điều kiện địa hình phức tạp (Ngoài trời) Công tác đo vẽ bản đồ địa chất công trình, bản đồ tỷ lệ 1/2.000, cấp phức tạp III	ha	41.2	41.2

### 5. KẾT LUẬN:

Ba bên thống nhất nghiệm thu hồ sơ kết quả khảo sát gói thầu: Điều tra, khảo sát tổng thể đánh giá nguy cơ và đề xuất các giải pháp xử lý nguy cơ trượt lở đất, đá khu vực núi Phòng Không thuộc khu danh thắng Tây Thiên, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc c (Giai đoạn: Tư vấn khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật).

Hồ sơ đủ điều kiện để Chủ đầu tư trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Biên bản nghiệm thu này là cơ sở thanh toán nghiệm thu./.

**ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ**



**PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

*Lê Anh Minh*

**ĐẠI DIỆN TƯ VẤN GIÁM SÁT**



**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
*Phùng Quốc Đồng*

**ĐẠI DIỆN TƯ VẤN KHẢO SÁT**



**GIÁM ĐỐC**  
*PGS.TS. Trần Đình Kiên*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN SỐ: 01/NTKS**  
**BIÊN BẢN NGHIỆM THU CÔNG VIỆC**  
**KHẢO SÁT ĐỊA HÌNH NGOÀI HIỆN TRƯỜNG**

**Điều tra, khảo sát tổng thể đánh giá nguy cơ và đề xuất các giải pháp xử lý  
nguy cơ trượt lở đất, đá khu vực núi Phòng Không thuộc khu danh thắng Tây  
Thiên, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc**  
**(Giai đoạn: Tư vấn khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật)**

**1. ĐỐI TƯỢNG NGHIỆM THU:**

Nghiệm thu khối lượng khảo sát địa hình gói thầu: Điều tra, khảo sát tổng thể đánh giá nguy cơ và đề xuất các giải pháp xử lý nguy cơ trượt lở đất, đá khu vực núi Phòng Không thuộc khu danh thắng Tây Thiên, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc.

Giai đoạn: Tư vấn khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

**2. THÀNH PHẦN TRỰC TIẾP NGHIỆM THU:**

**a. Đại diện tư vấn giám sát: Trung tâm kiểm định giám sát công trình  
Nông nghiệp và PTNT Vĩnh Phúc**

Ông: Tạ Công Thành Chức vụ: Cán bộ giám sát

Ông: Lê Anh Huân Chức vụ: Cán bộ giám sát

**b. Nhà thầu tư vấn khảo sát: Công ty TNHH Tư vấn, Triển khai Công  
nghệ và Xây dựng Mỏ Địa chất.**

Ông: Phan Văn Quang Chức vụ: Chủ nhiệm khảo sát

**3. THỜI GIAN NGHIỆM THU:**

Bắt đầu: 8.h.0. ngày 29 tháng 12 năm 2022

Kết thúc: 18.h.0. ngày 29 tháng 12 năm 2022

Tại hiện trường công trình.

**4. ĐÁNH GIÁ CÔNG VIỆC KHẢO SÁT XÂY DỰNG:**

**a. Tài liệu căn cứ:**

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung quản lý chất lượng thi công và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Văn bản số 2806/BNN-TCTL ngày 17/5/2021 của Bộ Nông nghiệp & PTNT về việc khắc phục sạt lở do mưa lũ tại khu vực Núi Phòng Không - khu danh lam thắng cảnh Tây Thiên;

Căn cứ Quyết định số 1558/QĐ-UBND ngày 16/6/2021 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc phê duyệt Đề cương nhiệm vụ Điều tra, khảo sát tổng thể đánh giá nguy cơ và đề xuất các giải pháp xử lý nguy cơ trượt lở đất, đá khu vực núi Phòng Không thuộc khu danh thắng Tây Thiên, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc;

Căn cứ Quyết định số 1872/QĐ-UBND ngày 17/10/2022 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc phê duyệt dự toán và phê duyệt KHLCNT gói thầu: Điều tra, khảo sát tổng thể đánh giá nguy cơ và đề xuất các giải pháp xử lý nguy cơ trượt lở đất, đá khu vực núi Phòng Không thuộc khu danh thắng Tây Thiên, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc;

Căn cứ Quyết định số 277/QĐ-CCTL ngày 14/12/2022 của Chi cục Thủy Lợi Vĩnh Phúc về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Điều tra, khảo sát tổng thể đánh giá nguy cơ và đề xuất các giải pháp xử lý nguy cơ trượt lở đất, đá khu vực núi Phòng Không thuộc khu danh thắng Tây Thiên, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc;

Căn cứ các tiêu chuẩn về khảo sát và đo đạc xây dựng do Nhà nước và các Bộ chuyên ngành ban hành.

Chất lượng khảo sát xây dựng: Phù hợp với nội dung chủ yếu của Nhiệm vụ và phương án kỹ thuật khảo sát đã được phê duyệt; tuân thủ theo các quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn kỹ thuật được Nhà nước ban hành.

**b. Quy mô và phạm vi khảo sát:**

Khảo sát theo hợp đồng số 103/2022/HĐTV ký ngày 14/12/2022 giữa Chi cục Thủy lợi tỉnh Vĩnh Phúc với Công ty TNHH Tư vấn triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ Địa chất;

**c. Khối lượng khảo sát:**

TT	Hạng mục	Đ/v tính	Khối lượng	Khối lượng thực hiện
1	Lưới khống chế mặt bằng	Điểm		
-	Lưới tam giác hạng 4	Điểm	2	2
-	Lưới đường chuyền cấp 1, địa hình cấp IV	Điểm	4	4
2	Lưới khống chế độ cao			
-	Lưới thủy chuẩn hạng IV	Km	15	15

TT	Hạng mục	Đ/v tính	Khối lượng	Khối lượng thực hiện
-	Lưới thủy chuẩn kỹ thuật	Km	10	10
3	Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình trên cạn bằng máy toàn đạc điện tử và máy thủy bình điện tử; bản đồ tỷ lệ 1/1.000, đường đồng mức 1m, cấp địa hình VI	ha	41,2	41,2
4	Công tác đo vẽ mặt cắt địa hình, đo vẽ mặt cắt dọc ở trên cạn; cấp địa hình VI.	100m	40.00	40,0

### 5. KẾT LUẬN:

Hai bên thống nhất nghiệm thu khối lượng khảo sát địa hình dự án gói thầu: Điều tra, khảo sát tổng thể đánh giá nguy cơ và đề xuất các giải pháp xử lý nguy cơ trượt lở đất, đá khu vực núi Phòng Không thuộc khu danh thắng Tây Thiên, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc;

Hồ sơ đủ điều kiện để Chủ đầu tư trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Biên bản nghiệm thu này là cơ sở thanh toán nghiệm thu./.

CÁN BỘ GIÁM SÁT



**Tạ Công Thành**

CÁN BỘ KHẢO SÁT



**Phan Văn Quang**



**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN SỐ: 02/NTKS**

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU CÔNG VIỆC  
KHẢO SÁT ĐỊA CHẤT NGOÀI HIỆN TRƯỜNG**

**Điều tra, khảo sát tổng thể đánh giá nguy cơ và đề xuất các giải pháp xử lý  
nguy cơ trượt lở đất, đá khu vực núi Phòng Không thuộc khu danh thắng Tây  
Thiên, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc**

**(Giai đoạn: Tư vấn khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật)**

**1. ĐỐI TƯỢNG NGHIỆM THU:**

Nghiệm thu khối lượng khảo sát địa chất gói thầu: Điều tra, khảo sát tổng thể đánh giá nguy cơ và đề xuất các giải pháp xử lý nguy cơ trượt lở đất, đá khu vực núi Phòng Không thuộc khu danh thắng Tây Thiên, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc.

Giai đoạn: Tư vấn khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

**2. THÀNH PHẦN TRỰC TIẾP NGHIỆM THU:**

**a. Đại diện tư vấn giám sát: Trung tâm kiểm định giám sát công trình  
Nông nghiệp và PTNT Vĩnh Phúc**

Ông: Tạ Công Thành Chức vụ: Cán bộ giám sát

Ông: Lê Anh Huân Chức vụ: Cán bộ giám sát

**b. Nhà thầu tư vấn khảo sát: Công ty TNHH Tư vấn, Triển khai Công  
nghệ và Xây dựng Mỏ Địa chất.**

Ông: Phan Văn Quang Chức vụ: Chủ nhiệm khảo sát

**3. THỜI GIAN NGHIỆM THU:**

Bắt đầu: 21.h.30 ngày 30 tháng 12 năm 2022

Kết thúc: 17.h.30 ngày 30 tháng 12 năm 2022

Tại hiện trường công trình.

**4. ĐÁNH GIÁ CÔNG VIỆC KHẢO SÁT XÂY DỰNG:**

**a. Tài liệu căn cứ:**

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung quản lý chất lượng thi công và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Văn bản số 2806/BNN-TCTL ngày 17/5/2021 của Bộ Nông nghiệp & PTNT về việc khắc phục sạt lở do mưa lũ tại khu vực Núi Phòng Không - khu danh lam thắng cảnh Tây Thiên;

Căn cứ Quyết định số 1558/QĐ-UBND ngày 16/6/2021 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc phê duyệt Đề cương nhiệm vụ Điều tra, khảo sát tổng thể đánh giá nguy cơ và đề xuất các giải pháp xử lý nguy cơ trượt lở đất, đá khu vực núi Phòng Không thuộc khu danh thắng Tây Thiên, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc;

Căn cứ Quyết định số 1872/QĐ-UBND ngày 17/10/2022 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc phê duyệt dự toán và phê duyệt KHLCNT gói thầu: Điều tra, khảo sát tổng thể đánh giá nguy cơ và đề xuất các giải pháp xử lý nguy cơ trượt lở đất, đá khu vực núi Phòng Không thuộc khu danh thắng Tây Thiên, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc;

Căn cứ Quyết định số 277/QĐ-CCTL ngày 14/12/2022 của Chi cục Thủy Lợi Vĩnh Phúc về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Điều tra, khảo sát tổng thể đánh giá nguy cơ và đề xuất các giải pháp xử lý nguy cơ trượt lở đất, đá khu vực núi Phòng Không thuộc khu danh thắng Tây Thiên, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc;

Căn cứ các tiêu chuẩn về khảo sát xây dựng do Nhà nước và các Bộ chuyên ngành ban hành.

Chất lượng khảo sát xây dựng: Phù hợp với nội dung chủ yếu của Nhiệm vụ và phương án kỹ thuật khảo sát đã được phê duyệt; tuân thủ theo các quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn kỹ thuật được Nhà nước ban hành.

#### **b. Quy mô và phạm vi khảo sát:**

Khảo sát theo hợp đồng số 103/2022/HĐTV ký ngày 14/12/2022 giữa Chi cục Thủy lợi tỉnh Vĩnh Phúc với Công ty TNHH Tư vấn triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ Địa chất.

#### **c. Khối lượng khảo sát:**

STT	Danh mục công tác địa chất	Đơn vị	Khối lượng	Khối lượng thực hiện kỳ này
1	Khoan xoay bơm rửa bằng ống mẫu ở trên cạn, độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m, cấp đất đá I - III	m	120,0	120,0
2	Khoan xoay bơm rửa để lấy mẫu ở trên cạn. Độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m. Cấp đất đá VII -VIII	m	20,0	20,0
3	Công tác bơm cấp nước phục vụ khoan xoay bơm rửa ở trên cạn (khi phải tiếp nước cho các lỗ khoan ở xa nguồn nước > 50m hoặc cao hơn nơi lấy nước $\geq$ 9m), độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m, cấp đất đá I - III	m	120.0	120.0
4	Công tác bơm cấp nước phục vụ khoan xoay bơm rửa ở trên cạn (khi phải tiếp nước cho các lỗ khoan ở xa nguồn nước >	m	20.0	20.0

	50m hoặc cao hơn nơi lấy nước $\geq 9m$ ), độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m, cấp đất đá VII - VIII			
5	Công tác thí nghiệm tại hiện trường, thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT, cấp đất đá I-III	Lần	60	60
6	Công tác thí nghiệm tại hiện trường, thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT, cấp đất đá IV-VI	Lần	20	20
7	Lấy mẫu đất thí nghiệm	Mẫu	60	60
8	Thăm dò địa chấn bằng máy TRIOSX-24 hoặc tương đương, cấp địa hình III-IV.	1 quan sát địa vật lý	180.0	180.0
9	Đào xúc đất để đắp hoặc ra bãi thải, bãi tập kết - Cấp đất III. Mục đích tạo mặt bằng làm nền khoan cho máy + dựng chân tháp + chạy cần khoan trong quá trình khoan.	1m <sup>3</sup>	519.6	519.6
10	Đắp đất độ chặt Y/C K = 0,85	100m <sup>3</sup>	5.2	5.2
11	Vận chuyển 10m khối diêm - sắt thép các loại. (do địa hình rất dốc nên phải tháo rời máy khoan, tháp khoan di chuyển thủ công giữa các điểm khoan)	tấn	30.0	30.0
12	Vận chuyển 10m tiếp theo - sắt thép các loại.	tấn	600.0	600.0
13	Đo vẽ bản đồ ĐC, Tỷ lệ 1/2.000 không quan sát xạ _ điều kiện địa hình phức tạp (Ngoài trời)	km <sup>2</sup>	0.412	0.412

### 5. KẾT LUẬN:

Hai bên thống nhất nghiệm thu khối lượng khảo sát địa chất gói thầu: Điều tra, khảo sát tổng thể đánh giá nguy cơ và đề xuất các giải pháp xử lý nguy cơ trượt lở đất, đá khu vực núi Phòng Không thuộc khu danh thắng Tây Thiên, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc.

Hồ sơ đủ điều kiện để Chủ đầu tư trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Biên bản nghiệm thu này là cơ sở thanh toán nghiệm thu./.

CÁN BỘ GIÁM SÁT



**Tạ Công Thành**

CÁN BỘ KHẢO SÁT



**Phan Văn Quang**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN SỐ: 03/NTKS**

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU CÔNG VIỆC  
KHẢO SÁT ĐỊA VẬT LÝ NGOÀI HIỆN TRƯỜNG**

**Điều tra, khảo sát tổng thể đánh giá nguy cơ và đề xuất các giải pháp xử lý  
nguy cơ trượt lở đất, đá khu vực núi Phòng Không thuộc khu danh thắng Tây  
Thiên, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc**  
**(Giai đoạn: Tư vấn khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật)**

**1. ĐỐI TƯỢNG NGHIỆM THU:**

Nghiệm thu khối lượng Công tác khảo sát Địa vật lý gói thầu: Điều tra, khảo sát tổng thể đánh giá nguy cơ và đề xuất các giải pháp xử lý nguy cơ trượt lở đất, đá khu vực núi Phòng Không thuộc khu danh thắng Tây Thiên, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc.

Giai đoạn: Tư vấn khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

**2. THÀNH PHẦN TRỰC TIẾP NGHIỆM THU:**

**a. Đại diện tư vấn giám sát: Trung tâm kiểm định giám sát công trình**

**Nông nghiệp và PTNT Vĩnh Phúc**

Ông: Tạ Công Thành Chức vụ: Cán bộ giám sát

Ông: Lê Anh Huân Chức vụ: Cán bộ giám sát

**b. Nhà thầu tư vấn khảo sát: Công ty TNHH Tư vấn, Triển khai Công**

**nghệ và Xây dựng Mỏ Địa chất.**

Ông: Phan Văn Quang Chức vụ: Chủ nhiệm khảo sát

**3. THỜI GIAN NGHIỆM THU:**

Bắt đầu: 8...h? ngày 30. tháng 12 năm 2022

Kết thúc: 16...h? ngày 30. tháng 12 năm 2022

Tại hiện trường công trình.

**4. ĐÁNH GIÁ CÔNG VIỆC KHẢO SÁT XÂY DỰNG:**

**a. Tài liệu căn cứ:**

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung quản lý chất lượng thi công và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Văn bản số 2806/BNN-TCTL ngày 17/5/2021 của Bộ Nông nghiệp & PTNT về việc khắc phục sạt lở do mưa lũ tại khu vực Núi Phòng Không - khu danh lam thắng cảnh Tây Thiên;

Căn cứ Quyết định số 1558/QĐ-UBND ngày 16/6/2021 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc phê duyệt Đề cương nhiệm vụ Điều tra, khảo sát tổng thể đánh giá nguy cơ và đề xuất các giải pháp xử lý nguy cơ trượt lở đất, đá khu vực núi Phòng Không thuộc khu danh thắng Tây Thiên, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc;

Căn cứ Quyết định số 1872/QĐ-UBND ngày 17/10/2022 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc phê duyệt dự toán và phê duyệt KHLCNT gói thầu: Điều tra, khảo sát tổng thể đánh giá nguy cơ và đề xuất các giải pháp xử lý nguy cơ trượt lở đất, đá khu vực núi Phòng Không thuộc khu danh thắng Tây Thiên, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc;

Căn cứ Quyết định số 277/QĐ-CCTL ngày 14/12/2022 của Chi cục Thủy Lợi Vĩnh Phúc về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Điều tra, khảo sát tổng thể đánh giá nguy cơ và đề xuất các giải pháp xử lý nguy cơ trượt lở đất, đá khu vực núi Phòng Không thuộc khu danh thắng Tây Thiên, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc;

Căn cứ các tiêu chuẩn về khảo sát xây dựng do Nhà nước và các Bộ chuyên ngành ban hành.

Chất lượng khảo sát xây dựng: Phù hợp với nội dung chủ yếu của Nhiệm vụ và phương án kỹ thuật khảo sát đã được phê duyệt; tuân thủ theo các quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn kỹ thuật được Nhà nước ban hành.

#### **b. Quy mô và phạm vi khảo sát:**

Khảo sát theo hợp đồng số 103/2022/HĐTV ký ngày 14/12/2022 giữa Chi cục Thủy lợi tỉnh Vĩnh Phúc với Công ty TNHH Tư vấn triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ Địa chất.

#### **c. Khối lượng khảo sát:**

**Tổng cộng khối lượng khảo sát địa vật lý đã thực hiện:**

- 04 tuyến đo.
- 940m khảo sát.
- 192 điểm đo địa vật lý.

Khối lượng cụ thể như sau:

**Ngày .../12/2022**

#### **+) Tuyến 1: L88S150 đo sâu 100 mét; máy S150**

- Chiều dài tuyến: 67m; Điểm cách điểm 01 mét;
- Số điểm đo đo sâu mặt cắt Điện trường tự nhiên: 62 điểm;
- Điểm 05 qua lỗ khoan 18 (LK18), tương đương mét 09 trên tuyến; Điểm 14 qua lỗ khoan 19 (LK19) tương đương mét 18;

- Tuyến L88S150 đo sau đền Cậu mới.

**+) Tuyến 2: L89S150 đo sâu 100 mét; máy S150**

- Chiều dài tuyến là 45 mét; Đầu tuyến là ống dẫn nước bằng nhựa từ trên núi xuống khu cáp cheo. Cuối tuyến là đầu nhà cáp cheo.

- Số điểm đo đo sâu mặt cắt Điện trường tự nhiên: 34

**+) Tuyến 3: L90S150 đo sâu 100 mét; máy S150**

- Chiều dài tuyến: 95 mét; Cách điểm là 2,5 mét; Cách mốc độ cao 5 mét.

- Số điểm đo đo sâu mặt cắt Điện trường tự nhiên: 34

**Ghi chú: Tuyến này trùng tuyến địa chấn**

**Ngày .../12/2022**

**+) Tuyến 4: L91S150 đo sâu 100 mét sử dụng máy S150; Tuyến này đo trùng tuyến địa chấn**

- Chiều dài tuyến : 136 mét; cách điểm 02 mét; Đo trùng tuyến địa chấn; hướng tuyến từ dưới chân núi lên trên.

- Số điểm đo đo sâu mặt cắt Điện trường tự nhiên: 63

**+) Tuyến 5: L92S150 đo sâu 100 mét; máy S150, đo trùng tuyến địa chấn**

- Chiều dài tuyến : 95 m; Cách điểm 2 mét. Tâm tuyến là tâm khối trượt. Tuyến này trùng với tuyến địa chấn ngang khối trượt.

- Số điểm đo đo sâu mặt cắt Điện trường tự nhiên: 34

**+) Tuyến 6: L93S150 đo sâu 100 mét; máy S150, đo trùng tuyến địa chấn**

- Chiều dài tuyến : 82,5 mét; Cách điểm 2,5 mét; Tuyến này đo nối vào tuyến L90S150, cuối tuyến là hàng B40

- Số điểm đo đo sâu mặt cắt Điện trường tự nhiên: 29

**+) Tuyến 7: L95S500; Sử dụng máy S500, độ sâu nghiên cứu là 500 mét. Đo kiểm tra tuyến L88S150**

- Chiều dài tuyến : 30m.

- Số điểm đo đo sâu mặt cắt Điện trường tự nhiên: 20

## **5. KẾT LUẬN:**

Hai bên thống nhất nghiệm thu khối lượng khảo sát địa chất gói thầu: Điều tra, khảo sát tổng thể đánh giá nguy cơ và đề xuất các giải pháp xử lý nguy cơ trượt lở đất, đá khu vực núi Phòng Không thuộc khu danh thắng Tây Thiên, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc.

Hồ sơ đủ điều kiện để Chủ đầu tư trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Biên bản nghiệm thu này là cơ sở thanh toán nghiệm thu./.

**CÁN BỘ GIÁM SÁT**



**Tạ Công Thành**

**CÁN BỘ KHẢO SÁT**



**Phan Văn Quang**



# CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

Mã số thuế: 0101074336

Địa chỉ: Số 36, ngõ 30, phố Tạ Quang Bửu - Phường Bách Khoa - Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại: 02437550428

Email: codeco.mdc@gmail.com

Số tài khoản: 111000037499

NH TMCP Công Thương Việt Nam - CN Nam Thăng Long

## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Ngày 14 tháng 03 năm 2023

Mã của cơ quan thuế: 00A6345294916D4B25BA453470D85E1B43

Ký hiệu: 1C23TMD

Số: 2

Họ và tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CHI CỤC THUỶ LỢI TỈNH VINH PHÚC

Địa chỉ: Số 98 đường Nguyễn Viết Xuân, phường Đống Đa, thành phố Vinh Yên, TP Vinh Phúc.

Số tài khoản: Tại:

Hình thức thanh toán: TM/CK

Mã số thuế: 2500259780

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Giá trị thanh toán đợt 1 của gói thầu: "Điều tra, khảo sát tổng thể đánh giá nguy cơ và đề xuất các giải pháp xử lý nguy cơ trượt lở đất, đá khu vực núi Phòng Không thuộc khu danh thắng Tây Thiên, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc" theo hợp đồng số 103/2022/HĐTV, ký ngày 14/12/2022.				1.090.909.091
Cộng tiền hàng hoá, dịch vụ:					1.090.909.091
Thuế suất GTGT: 10%					Tiền thuế GTGT: 109.090.909
Tổng tiền thanh toán:					1.200.000.000

Số tiền bằng chữ: Một tỷ hai trăm triệu đồng

Người mua hàng

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

Người bán hàng

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

Signature Valid

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

Ngày ký: 14/03/2023 11:21:08

Tra cứu hóa đơn tại website: <https://tracuuhoadon.mininvoice.vn/> Mã tra cứu: 94230127C796E1E9

(Khởi tạo từ Phần mềm M-INVOICxoa số dư đky 2020E - Công ty TNHH Hóa đơn điện tử M-invoice - MST: 0106026495- SĐT : 0901 80 16 18)